

Số: 844 /TB-CNTĐ

TPHCM, ngày 02 tháng 4 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

- Mã chứng khoán: TDW
- Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
- Điện thoại liên hệ: 19001012 Fax: 028 3896 0241
- E-mail: idscentd@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên (năm báo cáo 2023).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/4/2024 tại đường dẫn: <https://www.capnuocthuduc.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTN (năm báo cáo 2023)

**Đại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật  
**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Công Minh**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
**NĂM BÁO CÁO: 2023**

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2024

# MỤC LỤC

<b>PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	4
<b>I. Thông tin khái quát</b> .....	4
1. Quá trình thành lập .....	4
2. Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần .....	4
3. Niêm yết chứng khoán.....	5
<b>II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</b> .....	5
1. Ngành nghề kinh doanh.....	5
2. Địa bàn kinh doanh.....	5
<b>III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</b> .....	6
1. Mô hình quản trị .....	6
2. Cơ cấu bộ máy quản lý .....	6
<b>IV. Định hướng phát triển</b> .....	7
1. Các mục tiêu chủ yếu .....	7
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....	7
3. Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.....	7
<b>V. Các rủi ro</b> .....	8
<b>PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023</b> .....	10
<b>I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</b> .....	10
1. Kết quả thực hiện.....	10
2. Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	10
<b>II. Tổ chức nhân sự</b> .....	12
1. Danh sách và lý lịch Ban điều hành .....	12
2. Những thay đổi trong HĐQT/BKS/BĐH.....	12
3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	13
<b>III. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án</b> .....	15
1. Các khoản đầu tư lớn.....	15
2. Công ty con, công ty liên kết.....	16
<b>IV. Tình hình tài chính</b> .....	16
1. Tình hình tài chính.....	16
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	16
<b>V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> .....	18
1. Cổ phần.....	18
2. Cơ cấu cổ đông .....	18

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	19
4. Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	19
5. Các chứng khoán khác.....	19
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội .....	19
<b>PHẦN III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>22</b>
<b>I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....</b>	<b>22</b>
1. Kết quả thực hiện.....	22
2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	22
3. Những tiến bộ đã đạt được .....	25
<b>II. Tình hình tài chính .....</b>	<b>25</b>
1. Tình hình tài sản .....	25
2. Tình hình nợ phải trả .....	26
3. Phân tích nợ phải trả quá hạn .....	26
<b>III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....</b>	<b>26</b>
<b>IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....</b>	<b>27</b>
1. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 2024 .....	27
2. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính.....	28
3. Biện pháp thực hiện.....	28
<b>V. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội .....</b>	<b>31</b>
<b>PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT.....</b>	<b>32</b>
1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty .....	32
2. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc .....	32
3. Kế hoạch định hướng của HĐQT.....	33
<b>PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>35</b>
<b>I. Hội đồng quản trị.....</b>	<b>35</b>
1. Thành viên và cơ cấu.....	35
2. Các tiểu ban thuộc HĐQT .....	36
3. Hoạt động của HĐQT.....	36
4. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT .....	37
5. Danh sách các thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị.....	37
<b>II. Ban kiểm soát.....</b>	<b>38</b>
1. Thành viên và cơ cấu.....	38
2. Hoạt động của Ban kiểm soát.....	38
3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát.....	39

<b>III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGD .....</b>	<b>39</b>
1. Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích .....	39
2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông lớn.....	40
3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ .....	40
4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty .....	41
<b>PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 .....</b>	<b>42</b>
1. Ý kiến của kiểm toán độc lập .....	42
2. Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán.....	42

## I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC.**
- Tên tiếng Anh: **Thu Duc Water Supply Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Thu Duc Wasuco.J.S.C**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0304803601 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/01/2007, thay đổi lần thứ ba ngày 03/02/2021.
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM.
- Điện thoại: 19001012; Fax: (028) 3896 0241.
- Website: [www.capnuocthduc.vn](http://www.capnuocthduc.vn)
- Mã cổ phiếu: TDW

### 1. Quá trình hình thành và phát triển:

- **Năm 1991:** Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tiền thân là Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức - Biên Hoà, đơn vị trực thuộc Công ty Cấp nước TP.HCM. Chi nhánh được thành lập theo quyết định số 202/QĐ-TCNSTL của Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh, có con dấu riêng để giao dịch theo quy định của Nhà nước;
- **Năm 1992:** Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức chính thức đi vào hoạt động với chức năng: Quản lý, thi công, tu bổ sửa chữa, cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước trên địa bàn Quận 2, Quận 9, Quận Thủ Đức, khu công nghiệp Biên Hoà và một phần của huyện Thuận An - tỉnh Bình Dương;
- **Năm 2004:** Chi nhánh chính thức áp dụng quy chế phân cấp quản lý trong Công ty Cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 832/QĐ-CN-TCLĐTL ngày 09/02/2004, chi nhánh chính thức chuyển toàn bộ mạng lưới cấp nước khu vực phía bắc cầu Đồng Nai cho Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp thoát nước Đồng Nai;
- **Năm 2005:** UBND thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 6662/QĐ-UBND phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- **Năm 2007:** Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 18/01/2007;
- **Năm 2008:** UBND thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 1277/QĐ-UBND về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước đến thời điểm quyết toán chuyển thể của Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn;
- **Năm 2010:** Ngày 11/11/2010 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức niêm yết trên sàn HOSE;

- **Năm 2021:** Đánh dấu 15 năm hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

## **2. Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:**

Ngày 30/12/2005 Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định 6662/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/02/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Tổng số cổ phần: 8.500.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

## **3. Niêm yết chứng khoán.**

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã tiến hành niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM theo Quyết định 206/QĐ-SGDHCM ngày 17/09/2010, cụ thể:

- Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.
- Tên tiếng Anh: Thu Duc Water Supply Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Thu Duc Wasuco.J.S.C
- Trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TDW
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 8.500.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 85.000.000.000 đồng .
- Ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE: 11/11/2010.

## **II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH:**

### **1. Ngành nghề kinh doanh**

a) Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn).

b) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng)

c) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình cấp nước. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác.

d) Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở; trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước), sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy sản).

đ) Xây dựng công trình cấp, thoát nước: Xây dựng, duy tu, sửa chữa các công trình cấp nước, thoát nước, các công trình liên quan.

e) Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước uống đóng chai

g) Bán buôn đồ uống: Kinh doanh nước uống đóng chai

**2. Địa bàn kinh doanh:** Thành phố Thủ Đức

### III. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

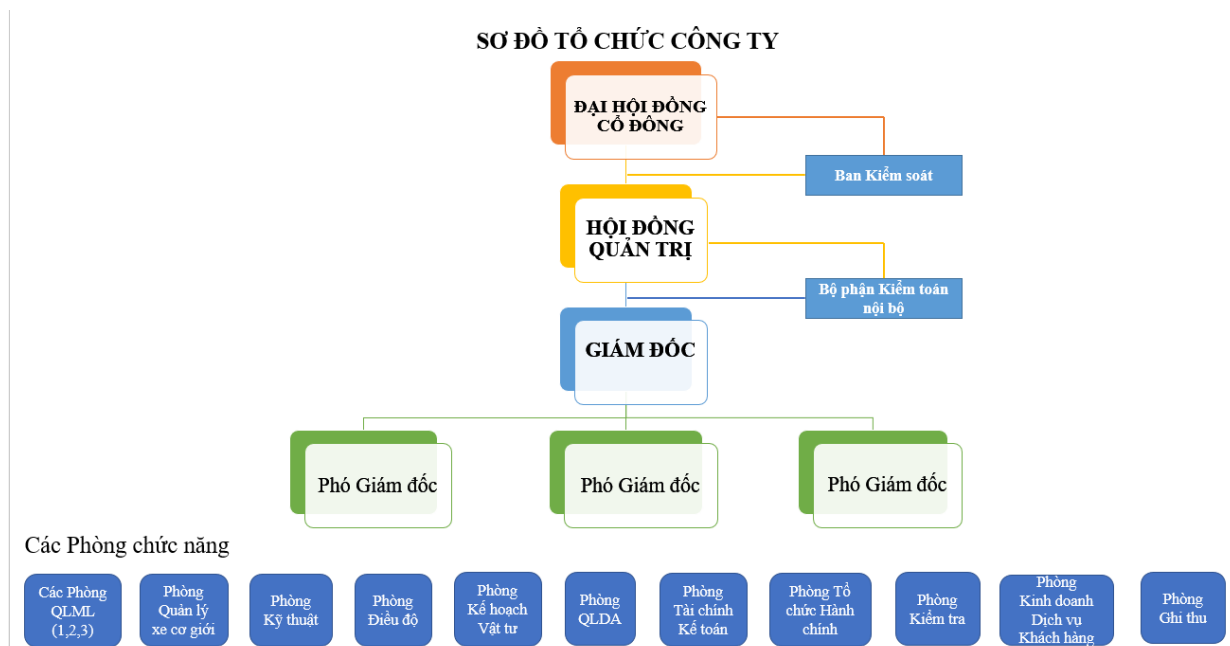
#### 1. Mô hình quản trị.

Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Giám đốc.

#### 2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc.





### **3. Công ty con, Công ty liên kết: Không có**

## **IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

### **1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty:**

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước, với đặc thù và tính thiết yếu của sản phẩm trong đời sống sinh hoạt của mọi người dân, Công ty đặt ra cho mình các mục tiêu phát triển chủ yếu sau:

- Đảm bảo nguồn cung cấp nước ổn định, liên tục, chất lượng đạt chuẩn của Bộ Y tế;
- Bảo vệ quyền lợi và lợi ích kinh tế của Cổ đông;
- Sử dụng và phát triển nguồn vốn hiệu quả, tối đa hoá lợi nhuận;
- Áp dụng kỹ thuật hiện đại vào hệ thống ống dẫn, thiết bị vận hành nhằm nâng cao năng suất hoạt động và hạn chế thất thoát nước;
- Tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ Nhà nước;
- Giảm tỷ lệ thất thoát nước.

### **2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Trong bối cảnh tốc độ đô thị hoá nhanh, nhu cầu nước sạch đang ngày càng gia tăng. Nhận thức được tầm quan trọng và tính cấp thiết của nguồn nước sạch đối với cộng đồng và xã hội, Công ty đề ra chiến lược trung và dài hạn sau:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, áp dụng công nghệ số vào hệ thống quản lý và dịch vụ của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích an sinh xã hội mà vẫn đảm bảo tối ưu hoá lợi ích kinh tế;
- Thực hiện công tác mở rộng quy mô mạng lưới hệ thống cung cấp nước nhằm tiếp cận đến những khách hàng tiềm năng của doanh nghiệp;
- Kiểm tra hệ thống dẫn nước, thiết bị định kỳ nhằm đảm bảo nguồn nước đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Bộ Y tế, đồng thời hạn chế tối thiểu thất thoát nước trong quá trình truyền dẫn nước đến người dân;
- Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

### **3. Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Tuân thủ nghiêm ngặt mọi quy phạm của Nhà nước về thi công mạng lưới cấp nước, bảo vệ hệ thống công trình ngầm nói riêng và cơ sở vật chất hạ tầng nói chung; áp dụng đúng các quy định chuyên môn về kỹ thuật của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

## V. CÁC RỦI RO

Ngành cấp nước đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt đến các rủi ro môi trường và sức khỏe con người. Nhận thấy được tầm ảnh hưởng lớn của các rủi ro tới không chỉ tới chuỗi giá trị của Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức mà còn của cả cộng đồng xung quanh, WASUCO đã nỗ lực nhận diện và quản lý các rủi ro liên quan đến hoạt động của mình, đảm bảo tuân thủ các quy định về môi trường và an toàn lao động. Nhằm đảm bảo việc quản lý rủi ro và đưa ra các biện pháp phòng ngừa kịp thời, WASUCO đã áp dụng nhiều chính sách và quy trình an toàn nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng.

### a) Rủi ro về chính sách

Bên cạnh việc tuân thủ Luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, ... Công ty còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi Luật Tài nguyên nước, quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra, và Luật Bảo vệ môi trường quy định về hoạt động bảo vệ môi trường. Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán đều đã được ban hành và có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2021 kèm theo các văn bản hướng dẫn đều được thay thế hàng loạt làm ảnh hưởng đến hoạt động quản trị của Công ty. Nắm rõ các quy định pháp luật sẽ tránh việc vi phạm pháp luật, các doanh nghiệp sẽ không phải chịu thiệt hại về mặt tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng không bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, các chính sách pháp luật của nước ta, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế được dự báo sẽ có sự thay đổi trong thời gian tới do Chính phủ đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam, thu hút nguồn vốn nước ngoài. Vì vậy, Công ty liên tục cập nhật những thông tin mới để tránh gây ra những tổn thất không đáng có cho doanh nghiệp.

### b) Rủi ro về thị trường

Giá bán sản phẩm, dịch vụ Nước sạch là một tài nguyên quan trọng, do Nhà nước định khung giá và mức giá cụ thể (do ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt mức giá nước mà doanh nghiệp đưa ra dựa theo các quy định về tính giá). Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá nước có thể xem xét điều chỉnh giá khi có biến động như thay đổi công nghệ xử lý nước, quy chuẩn về chất lượng dịch vụ, các thay đổi về cơ chế chính sách có liên quan. Tuy nhiên hiện các doanh nghiệp cùng ngành nói chung và Công ty nói riêng những khó khăn nhất định về mặt tài chính, đòi hỏi doanh nghiệp cần có chiến lược kinh doanh phù hợp để giảm thiểu chi phí, đạt được lợi nhuận mục tiêu nay do các chi phí đầu vào có xu hướng tăng nhưng đơn giá không được điều chỉnh kịp thời. Giá bán nước sạch của Công ty do UBND thành phố Hồ Chí Minh quyết định và theo lộ trình từ năm 2019-2022, do vậy việc tăng chi phí đầu vào đột biến có khả năng ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty.

### c) Rủi ro về môi trường – khí hậu – thiên tai – dịch họa

Công ty cũng luôn ý thức đảm bảo các hoạt động của mình không gây ô nhiễm môi trường, tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp nước. Ngoài ra, Công ty luôn đề cao tinh thần trách nhiệm đối với vấn đề phát triển bền vững, bảo vệ tài nguyên nước cho tương lai. Đồng thời, Dịch bệnh Covid kéo dài thời gian vừa qua vẫn còn ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ suy giảm.

### d) Rủi ro thất thoát nước

Hoạt động cung cấp nước sạch thông qua hệ thống mạng lưới ống cấp nước ngầm dưới đất của Công ty tiềm ẩn rủi ro lớn là thất thoát nước. Nguyên nhân của tình trạng này do đường ống lâu năm bị mòn, vỡ, chủng loại ống, vi phạm sử dụng nước hoặc do các công trình khác vô tình tác động đến hệ thống đường ống. Thất thoát nước thường khó phát hiện, công tác sửa chữa cũng thường khó khăn và tốn kém do hệ thống nước ngầm này nằm bên dưới các công trình dân cư, công trình công cộng, từ đó gây tổn thất tài chính cho Công ty.

#### **d) Rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Rủi ro lãi suất: Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi công ty có phát sinh tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng: Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

#### **e) Rủi ro khác**

Bên cạnh những rủi ro có thể ảnh hưởng xuyên suốt đến quá trình hoạt động của Công ty trong khi thị trường chứng khoán và ngoại hối năm 2023 không ổn định cũng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp, còn có một số rủi ro hiếm xảy ra nhưng có thể gây ra những thiệt hại lớn cho Công ty. Đó là những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, doanh nghiệp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,... thực hiện mua đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.

## PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

### I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

#### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ % TH/KH
1	Nước cung cấp (qua ĐHN)	1000 m <sup>3</sup>	107.000	108.676	101,57
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.253.612	1.277.119	101,88
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100,00
4	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	14,00	8,91	- 5,09

#### 2. Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và phục vụ xã hội.

##### a) Sản lượng nước cung cấp:

Cấp nước an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn quản lý góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Công ty.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ năm 2023 đạt 108.676.588 m<sup>3</sup> đạt 101,57% so với kế hoạch năm 2023 và bằng 106,95% so với thực hiện năm 2022.

##### b) Doanh thu tiền nước:

Với sự tăng trưởng của lượng nước tiêu thụ, chỉ tiêu doanh thu tiền nước đạt 1.277 tỷ đồng, đạt 101,88% so với kế hoạch năm 2023, và bằng 108,27% so với thực hiện năm 2022

Công tác rà soát, kiểm tra lượng nước tiêu thụ, đối tượng sử dụng của khách hàng, thực hiện điều chỉnh giá biểu, định mức đúng với thực tế. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ đăng ký và cấp định mức nước cũng được chú trọng thực hiện. Song song đó để hưởng ứng cuộc vận động của thành phố chung tay hỗ trợ công nhân, sinh viên ở trọ giảm bớt phần nào khó khăn trong cuộc sống, năm 2023 đã thực hiện cấp định mức cho 12.363 hộ, với tổng số nhân khẩu được cấp định mức là 266.542 người với 1.066.168 m<sup>3</sup> được cấp định mức.

Giá bán bình quân năm 2023 đạt 11.734,93 đồng/m<sup>3</sup> đạt 100,16% so với kế hoạch năm 2023 và bằng 101,21% so với thực hiện năm 2022.

Tiếp tục duy trì thực hiện chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã chủ động liên hệ với các ngân hàng và các tổ chức thu hộ. Việc mở rộng các kênh

thanh toán đã tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền của đơn vị. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác như phần mềm Wasspro, phần mềm đọc số hỗ trợ công tác đọc chỉ số nước ngoài hiện trường...

c) Chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch:

Với nhiệm vụ cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố Thủ Đức, ý thức được đây là một nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng. Đứng trước nhiệm vụ được giao, Công ty đã quyết liệt trong việc triển khai thực hiện bằng nhiều biện pháp. Thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước, tập trung thi công hoàn tất, nhanh chóng đưa vào sử dụng, ưu tiên cho công tác gắn đồng hồ nước để người dân có nước sạch sử dụng. Ở những khu vực chưa thể phát triển mạng lưới cấp nước, Công ty đã có nhiều giải pháp đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục như lắp đặt các bồn chứa nước để cung cấp nước sạch hoặc gắn đồng hồ tổng.

Công ty luôn chủ động phối hợp với chính quyền địa phương thống kê các hộ dân có nhu cầu được sử dụng nước sạch, các hẻm, đường chưa có tuyến ống cấp nước để lên phương án phát triển mạng lưới đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của người dân, bên cạnh đó thực hiện phong trào hướng đến anh, chị, em công nhân, sinh viên là người nhập cư hiện đang tạm trú trên địa bàn quản lý, kêu gọi, vận động chủ nhà trọ đăng ký định mức nước nhằm giảm bớt gánh nặng cho người nhập cư hiện tạm trú trong khu vực.

Với sự quyết tâm, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều biện pháp của lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân lao động Công ty tiếp tục giữ vững tỷ lệ 100% hộ dân được sử dụng nước sạch.

d) Công tác giảm nước thất thoát thất thu:

Trong năm 2023, Công ty đưa vào vận hành tổng cộng 113 DMA.

Phối hợp Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch kiểm tra, giám sát thực hiện công tác thay đồng hồ tổng định kỳ, tính toán sản lượng tiêu thụ trung bình đối với đồng hồ gặp sự cố, đảm bảo tính đúng tính đủ lượng mua bán sỉ qua đồng hồ tổng hàng tháng. Điều tiết mạng lưới, tăng áp lực tuyến truyền tải cấp 2, đồng thời Công ty rà soát, đề xuất lắp đặt bổ sung các tuyến ống truyền tải cấp 2 trên địa bàn nhằm cải thiện áp lực cho Khu vực 2 (Quận 9 cũ) nói riêng, Thành phố Thủ Đức nói chung.

▪ Công tác giám sát địa bàn, xây dựng cơ sở dữ liệu GIS:

Thành lập và đưa vào vận hành trung tâm mạng lưới cấp nước NOC tháng 8 năm 2023 nhằm thu thập đầy đủ thông tin dữ liệu liên quan đến chế độ vận hành của hệ thống mạng lưới cấp nước ở chế độ thời gian thực (realtime). Cơ sở dữ liệu thu thập được có thể trích xuất báo cáo theo yêu cầu, đồng thời đảm bảo tính kết nối đối với hệ thống khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; Có đủ thông tin và công cụ phục vụ việc điều phối vận hành hệ thống mạng lưới cấp nước, tham mưu việc ra quyết định quy hoạch phát triển mạng lưới cấp nước.

Xây dựng quy trình quản lý hồ sơ hoàn công các công trình, đảm bảo cập nhật đầy đủ thông tin các tuyến ống, công trình mới theo tiến độ vào cơ sở dữ liệu THUDUCGIS.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật vào hoạt động giảm thất thoát nước:

Ứng dụng mô hình thủy lực để phân tích hiện trạng vận hành DMA, quy hoạch lại vùng áp lực và xây dựng phương án điều phối áp lực mạng lưới các khu vực.

Triển khai ứng dụng App quản lý sự cố sửa bể từ tháng 2 đến nay đã cập nhật được hơn 6.000 điểm bể bao gồm hình ảnh, hồ sơ và vật tư hoàn công sửa bể.

Thực hiện nâng cấp phần mềm trang web Waternet quản lý áp lực online và APP xem qua điện thoại đồng thời tích hợp Logger các trạm giám giát chất lượng nước trên mạng lưới cấp nước.

Xây dựng kế hoạch triển khai DMA thông minh tại khu dân cư thuộc dự án Sài Gòn Mystery, Phường Bình Trưng Tây, Khu vực 1, TP Thủ Đức. Hiện tại đã hoàn tất gian đoạn thiết kế và chuẩn bị mua sắm vật tư, thiết bị ngành cấp nước.

Ban hành quy định mới về công tác bấm chỉ mã vạch cho đồng hồ nước 15ly - 25ly phù hợp với tình hình thực tế địa bàn TP. Thủ Đức, mang lại hiệu quả tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước trên mạng lưới.

## II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Danh sách và lý lịch Ban điều hành (tính đến 31/12/2023)

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Năm sinh	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Nguyễn Công Minh	TV.HĐQT –Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng; Kỹ sư cấp thoát nước,	1973	26/4/2022	- Đại diện 1.083.750 cổ phần của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn, chiếm tỷ lệ 12,75% - Sở hữu 800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%
Phạm Huỳnh Bá Đạt	Phó giám đốc	Kỹ sư XD Dân dụng và Công nghiệp	1973	08/9/2022	0%
Trần Hưng Thành	Phó giám đốc	Thạc sĩ Kỹ thuật, Kỹ sư Xây dựng	1977	17/5/2023	0%
Nguyễn Công Thành	Phó giám đốc	Cử nhân Kinh tế	1976	01/6/2023	0%
Cao Hữu Lộc	Kế toán trưởng	Thạc sĩ Kinh tế	1976	12/6/2020	0%

### 2. Những thay đổi trong HĐQT/BKS/BĐH:

Năm 2023 nhân sự trong Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Ban điều hành có thay đổi như sau:



Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Trần Hưng Thành	PGĐ	17/5/2023		Nghị quyết 22/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 17/5/2023
2	Nguyễn Công Thành	PGĐ	01/6/2023		Nghị quyết 30/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 31/5/2023
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	PGĐ	01/8/2022	01/6/2023	Nghị quyết 30/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 31/5/2023

### 3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

#### 3.1 Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, nhân viên: 449 người

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>449</b>	<b>100</b>
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	181	40
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	85	19
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	21	5
4	Lao động phổ thông	162	36
<b>II</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>	<b>449</b>	<b>100</b>
1	Lao động trực tiếp	178	40
2	Lao động gián tiếp	271	60
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>449</b>	<b>100</b>
1	Nam	346	77
2	Nữ	103	23
<b>IV</b>	<b>Theo thời hạn HĐLĐ</b>	<b>449</b>	<b>100</b>
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	-	-
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	65	14
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	384	86
<b>V</b>	<b>Theo cấp quản lý</b>	<b>449</b>	<b>100</b>
1	Quản lý cấp cao	7	2
2	Quản lý cấp trung	38	8
3	Chuyên viên, nhân viên	404	90
<b>VI</b>	<b>Theo độ tuổi</b>	<b>449</b>	<b>100</b>
1	Từ 18 đến 25 tuổi	10	1
2	Từ 25 đến 36 tuổi	112	25

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
3	Từ 36 đến 45 tuổi	167	37
4	Trên 45 tuổi	160	37
<b>Tổng cộng</b>		<b>149</b>	<b>100</b>

### 3.2 Chính sách đối với người lao động.

#### a. Chế độ làm việc:

Sự an toàn trong quá trình làm việc của cán bộ công nhân viên luôn được Ban lãnh đạo đặt lên hàng đầu, vì vậy các trang thiết bị hỗ trợ và bảo vệ cho người lao động được Công ty lắp đặt, cung cấp đầy đủ. Bên cạnh đó, người lao động được khám sức khỏe định kỳ tại các bệnh viện uy tín do Công ty tổ chức.

Công ty thực hiện chế độ làm việc theo quy định của Luật Lao động 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần và bố trí thời gian nghỉ trưa thích hợp. Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn tổ chức cho người lao động tham quan, du lịch hằng năm; Tổ chức các giải thi đấu thể thao, khuyến khích nhân viên tham gia rèn luyện để tăng cường sức khỏe.

#### b. Chính sách đào tạo:

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố cốt lõi trong quá trình hình thành và phát triển Công ty nên chất lượng đội ngũ nhân viên được Ban lãnh đạo quan tâm. Vì vậy, các buổi đào tạo được Công ty tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn, kiến thức để đảm bảo nhân viên hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Đặc biệt đối với bộ phận lao động trực tiếp, Công ty khuyến khích nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao tay nghề như thi nâng bậc, học các quy trình mới,... qua các khóa học ngắn hạn. Việc tổ chức đăng ký dự thi tay nghề được thực hiện đúng trường hợp, đúng thời hạn.

#### c. Chính sách lương, thưởng:

Ban lãnh đạo tin rằng chỉ những nhân viên được chăm sóc toàn diện về vật chất và tinh thần thì mới có thể tạo ra sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao và đáp ứng hiệu quả nhu cầu của khách hàng. Vì vậy, chính sách lương, thưởng luôn được công ty chú trọng và thực hiện đúng quy định. Thêm vào đó, quy chế lương, thưởng được phân bổ theo quy định của Công ty sao cho phù hợp với năng lực, tiến độ, khối lượng công việc và công bằng, bình đẳng.

Bên cạnh đó, Công ty tổ chức đánh giá thi đua nhằm khen thưởng các cá nhân đạt thành tích tốt, thưởng đột xuất với các nhân viên hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc.

#### d. Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Chăm lo đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty để người lao động yên tâm, gắn bó với công việc, phục vụ tốt công tác. Trong năm 100% CB.CNLD được mua bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm nhân thọ, và được khám sức khỏe định kỳ.



Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, bố trí sắp xếp phòng nghỉ cho cán bộ, công nhân lao động trực sửa bể đêm.

Tổ chức phát quà cho các cháu học sinh giỏi, và trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho con em CB.CNLD có hoàn cảnh khó khăn nhưng hiếu học, tổ chức vui Tết thiếu nhi cho con em người lao động.

Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người lao động nhằm tái tạo sức lao động thông qua các hoạt động Hội thao, các cuộc thi văn nghệ, viết bản tin nội bộ...

### III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

#### 1 Các khoản đầu tư lớn:

a) Các khoản đầu tư dự án: Năm 2023, Công ty đã triển khai thực hiện các dự án cấp nước để phục vụ chương trình giảm nước thất thoát và đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục cho khách hàng trên địa bàn quản lý, một số các dự án lớn gồm:

Stt	Tên công trình	Quy mô (mét ống)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
1	Cải tạo, nâng cấp ống mục, ống sâu DMA: HBC1A và DMA HBC1B (đường 39, đường 41, đường 44, đường Tam Bình, đường Song Hành Kha Vạn Cân, đường Hiệp Bình, đường 36, đường 38, đường 40, đường 50, đường 52), phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức	6.260	14,730
	Cải tạo, nâng cấp ống mục, ống sâu DMA Metro An Phú, Phường An Phú (Đường Vũ Tông Phan, Đường Song hành Xa Lộ Hà Nội+ Đường 14+Đường Dương Văn An+Đường 30A+Đường Nguyễn Hoàng+Đường Bùi Tá Hán + Đường Cao Đức Lân), Tp. Thủ Đức	2.787	12,696
2	Cải tạo, nâng cấp ống mục, ống sâu DMA Long Phước (Lề trái, lề phải) đường Long Phước, Tp. Thủ Đức	4.796	9,648
3	Cải tạo, nâng cấp ống mục, ống sâu đường Lò Lu (lề trái và lề phải), phường Trường Thạnh, Tp. Thủ Đức	3.540	9,844
3	Cải tạo, nâng cấp ống mục, ống sâu DMA Nguyễn Xiển (lề trái & lề phải), phường Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức.	2.730	6.465
	Di dời ống cấp nước nằm trong phạm vi công trình " Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định - Lề phải (đoạn từ cầu Giồng Ông Tố đến cầu Mỹ Thủy), Tp. Thủ Đức	2.100	5,156
	Di dời ống cấp nước nằm trong phạm vi công trình " Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định - Lề trái (đoạn từ cầu Giồng Ông Tố đến cầu Mỹ Thủy), Tp. Thủ Đức	2.200	5,428
	Cải tạo, nâng cấp ống mục, ống sâu DMA Lương Định Của-Mai Chí Thọ, Phường Cát Lái-Thạnh Mỹ Lợi (Đường 2, đường 21, đường Đồng Văn Cống), Tp. Thủ Đức	1.419	5,409

b) Các khoản đầu tư tài chính: không

## 2. Các công ty con, công ty liên kết: không

### IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH :

#### 1 Tình hình tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ% TH/KH
<b>A</b>	<b>Tình hình tài chính</b>				
1	Tổng Doanh thu	tr. đồng	1.260.552	1.295.262	102,75
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	54.986	68.086	123,82
4	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	43.989	53.906	122,54
4	Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn CSH (theo 200/2015/TT-BTC)	%	36,24	44,41	122,54
6	Cổ tức	%	12	14	116,67
<b>B</b>	<b>Quỹ tiền lương Người quản lý</b>				
8	Quỹ lương Người quản lý	tr. đồng	3.004	3.605	120,00
9	Thù lao HĐQT/BKS (không chuyên trách)	tr. đồng	504	504	100,00

Kết quả tài chính sẽ được trình cổ đông tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

#### 2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2022 sau điều chỉnh hồi tố
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,85	1,22	1,15
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,59	0,91	0,86
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn</b>				
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	49,99	49,06	51,59
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	99,97	96,31	106,58
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	14,22	14,44	14,44
	Vòng quay tổng tài sản	vòng	2,76	2,69	2,69
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,20	4,00	4,01
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	23,10	20,20	21,25
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,56	10,30	10,29
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	%	0,05	0,05	0,05

## **Phân tích các chỉ tiêu tài chính:**

### **▪ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:**

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty năm 2023 giảm so với năm 2022. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2022 lần lượt là 0,85 và 0,59.

Nguyên nhân là do giá trị tài sản ngắn hạn giảm 21,29% (tương đương 49,79 tỷ đồng) và Nợ ngắn hạn tăng 5,71% (tương đương 11,65 tỷ đồng) so với năm 2022. Chủ yếu, do giảm tài sản ngắn hạn nhiều đồng thời tăng nợ ngắn hạn. Phát sinh do nghiệp vụ dùng tiền 57,69 tỷ đồng chi trả cho các khoản mua sắm tài sản trong năm.

### **▪ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:**

Cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2023 giảm nhẹ, với hệ số nợ/Tổng tài sản giảm ở mức 49,99% so với năm 2022 là 51,59%, do giảm nợ phải trả 2,17% (-5,16 tỷ đồng), chủ yếu giảm do chi trả các khoản vay đến hạn (-12,86 tỷ đồng) và tăng các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và ngân sách nhà nước khoảng 11,6 tỷ đồng, tương ứng tài sản ngắn hạn và dài hạn tăng lên (bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn, tài sản mua sắm trong năm tăng ở chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn và chỉ tiêu tài sản dài hạn)

Bên cạnh đó, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty cũng giảm từ 106,58% năm 2022 còn 99,97% năm 2023, nguyên nhân là do giá trị vốn chủ sở hữu đạt 233 tỷ đồng, tăng 4,31 % so với năm trước nhờ vào khoản lợi nhuận sau thuế lũy kế năm trước chưa phân phối hết (bao gồm khoản lợi nhuận để lại năm 2022 trở về trước, năm 2023 và lợi nhuận chưa phân phối tăng do thực hiện kiến nghị KTNN).

### **▪ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Năng lực hoạt động của TDW được thể hiện chủ yếu qua 2 chỉ số chính là chỉ số vòng quay HTK và chỉ số vòng quay tổng tài sản. Trong năm 2022 chỉ số vòng quay là 14,44 giảm còn 14,22 năm 2023, chủ yếu là do giá trị bình quân HTK năm 2023 là 57.9 tỷ, cao hơn đáng kể HTK bình quân 2022 là 36.7 tỷ đồng. Công ty có đầu tư thêm giá trị vật tư đường ống nên vòng quay bị giảm.

Bên cạnh đó, hệ số tổng tài sản cũng tăng từ 2,39 vòng năm 2022 lên 2,76 vòng năm 2023, chủ yếu doanh thu thuần từ hoạt động bán nước sạch tăng 8%, trong bối cảnh Tổng tài sản bình quân tăng 1.5% so với năm trước, dẫn đến vòng quay tổng tài sản tăng 6.6%. Theo đó, doanh thu tăng chủ yếu do do giá bán bình quân tăng, cụ thể: Giá bán bình quân tăng từ 11.595,12 đồng/m<sup>3</sup> (năm 2022) lên 11.734,93 đồng/m<sup>3</sup> (năm 2023).

### **▪ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản tăng 7,43% so với năm 2022, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng nhiều so với năm 2022, trong khi đó tổng tài sản năm 2023 chỉ tăng 0,97% so với năm trước.

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng 4,73% so với cùng kỳ do tốc độ tăng lợi nhuận sau thuế tăng nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu.

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu tăng 8,76% so với năm 2022, do lợi nhuận

sau thuế tăng 13,44% so với cùng kỳ, đồng thời vốn chủ sở hữu tăng 4,31%, tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn cùng kỳ so với tốc độ tăng lợi nhuận sau thuế.

## V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### 1 Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 8.500.000 cổ phần
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.500.000 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.500.000 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: không
- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

### 2. Cơ cấu cổ đông

a) Cơ cấu cổ đông tính đến ngày chốt danh sách 29/12/2023.

Stt	Loại cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %
1	Cổ đông nhà nước	4.335.000	51,00
2	Cổ đông sáng lập	-	-
	<i>Trong nước</i>	-	-
	<i>Nước ngoài</i>	-	-
3	Cổ đông lớn		
	<i>Trong nước</i>	3.754.720	44,17
	<i>Nước ngoài</i>	-	-
4	Công đoàn công ty	-	-
	<i>Trong nước</i>	-	-
	<i>Nước ngoài</i>	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	-	-
7	Cổ đông khác	410.280	4,82
	<i>Trong nước</i>	166.940	1,97
	<i>Nước ngoài</i>	243.340	2,86

Danh sách cổ đông lớn:

Stt	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Số 01 Công trường Quốc tế, P6, quận 3, Tp.HCM	4.335.000	51,00
2	Công ty TNHH nước sạch REE	364 Cộng Hòa, P.13, quận Tân Bình, Tp.HCM	3.754.720	44,17

b) Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

**3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không.

**4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không.

**5. Các chứng khoán khác:** Không.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

6.1 Tác động lên môi trường.

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG):

- **Trực tiếp:** Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu mua nước và phân phối nước đến khách hàng, nên hầu như lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp vào môi trường rất ít. Lượng khí thải chủ yếu đến từ phương tiện di chuyển của Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo luôn chủ động đưa ra kế hoạch sử dụng phương tiện di chuyển sao cho hiệu quả và tối ưu nhất nhằm hạn chế tối đa lượng khí thải ra môi trường.
- **Gián tiếp:** Trong quá trình hoạt động của Công ty, nguồn năng lượng chính được sử dụng tại các khu vực văn phòng là điện năng, việc này gây ảnh hưởng gián tiếp đến việc phát thải khí nhà kính. Do vậy, Công ty luôn quán triệt tinh thần nhân viên về ý thức sử dụng tiết kiệm điện đồng thời quản lý, phân phối điện hợp lý cho từng khu vực bộ phận .

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực phân phối, cung cấp nước sạch cho người dân tại khu vực quận 2, quận 9, quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức). Do đó, nguồn nước của doanh nghiệp chủ yếu được lấy từ Nhà máy nước Thủ Đức, đây là nhà máy có công suất lớn nhất trong khu vực miền Nam. Công tác đánh giá, thẩm định chất lượng nước của Công ty luôn được thực hiện thường xuyên dựa theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, đồng thời thực hiện kiểm tra ống dẫn nước thường xuyên nhằm hạn chế thất thoát nước và giữ gìn nguồn tài nguyên thiên nhiên của quốc gia.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

Đối với hoạt động kinh doanh của TDW, nguồn điện năng giữ vai trò then chốt trong quá trình vận hành Công ty, đây cũng là nguồn lực chính phục vụ cho khu vực văn phòng. Tuy nhiên, trong bối cảnh sử dụng quá mức nguồn năng lượng sẽ dẫn đến việc trữ lượng tài nguyên bị suy giảm. Vì vậy, Công ty luôn thực hiện chủ trương sử dụng hợp lý nguồn nhiên liệu này và khuyến khích tập thể người lao động tiết kiệm nhiên liệu trong sản xuất và đời sống.

6.4 Tiêu thụ nước

a) Nguồn nước cung cấp và lượng nước sử dụng:

- Nguồn nước đầu vào mua từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và được phân phối đến các hộ dân trong khu vực bằng mạng lưới cấp nước cấp 3.
- Trong năm 2023, Công ty đã phân phối 108,676 triệu m<sup>3</sup> cho khách hàng và tỷ lệ thất

thoát nước là 8,91%. Công ty luôn ý thức được trách nhiệm của mình trong hoạt động tiêu thụ và sử dụng nguồn nước hợp lý, luôn chú trọng các chính sách khuyến khích cán bộ công nhân viên tiết kiệm nguồn nước tại công ty và trong đời sống hằng ngày.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế: Không

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn nghiêm túc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động (không bao gồm Người quản lý): 449 người
- Mức lương trung bình: 20,617 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Đảm bảo thời giờ làm việc của người lao động theo quy định của Luật Lao động.
- Toàn thể người lao động đều được ký hợp đồng lao động và được hưởng đầy đủ chế độ theo quy định để người lao động hoàn toàn yên tâm, gắn bó với công ty. Có 100% CB.CNLD được mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và đảm bảo khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.
- Trang bị đồng phục và trang bị bảo hộ lao động, trang bị phương tiện làm việc cho người lao động.
- Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người lao động nhằm tái tạo sức lao động, tăng cường thể lực, sức khỏe để cống hiến, phục vụ công tác tốt hơn như tổ chức Hội thao, tham gia các cuộc thi văn nghệ, viết bản tin nội bộ Tổng Công ty, hội thi Bàn tay vàng...
- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn.
- Xây dựng quỹ Tương trợ xã hội nhằm hỗ trợ CB.CNLD có hoàn cảnh khó khăn và bệnh nan y hiểm nghèo trong Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2023, Công ty đã tổ chức các buổi đào tạo cho người lao động tham gia với mục đích nâng cao tay nghề, chuyên môn, kiến thức. Ngoài ra, nhân viên còn được tham gia các lớp tập huấn chuyên đề về đầu tư xây dựng, công tác kế toán tài chính, nghiệp vụ đấu thầu, lao động tiền lương và đảm bảo an toàn vệ sinh lao động,...Việc tổ chức đăng ký dự thi tay nghề được thực hiện đúng đối tượng, đúng thời hạn.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Bên cạnh việc hoạt động kinh doanh, Công ty cũng thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương. Vì vậy, mọi hoạt động của Công ty đều đảm bảo đáp

ứng các yêu cầu về lợi ích kinh tế doanh nghiệp và lợi ích xã hội.

- Về môi trường: Tuân thủ quy trình phân phối, xử lý nước nhằm hạn chế tối đa các tác nhân gây hại ra môi trường, giữ gìn vệ sinh khu vực Công ty
- Về an sinh xã hội:
  - + Góp sức cùng UBND phường Bình Thọ tổ chức chăm lo cho các hộ nghèo, sinh viên, công nhân không có điều kiện về quê ăn tết trên địa bàn Phường Bình Thọ, với số tiền: 5.000.000 đồng.
  - + Hỗ trợ thăm hỏi, chăm lo cho các gia đình khó khăn trên địa bàn xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nhân dịp Tết Nguyên đán, số tiền: 10.000.000 đồng.
  - + Chung tay đồng hành cùng Chương trình Trí thức Khoa học trẻ tình nguyện tổ chức các hoạt động xã hội nhân đạo với chủ đề “Xuân tình nguyện – Tết nhân ái” nhằm chia sẻ một phần khó khăn trong cuộc sống cùng các em học sinh, người dân trên địa bàn xã Ea M’nang, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk , số tiền: 10.000.000 đồng.
  - + Tổ chức thăm và tặng quà cho Trung tâm giáo dục nghề nghiệp dành cho người khuyết tật và trẻ em mồ côi nhằm chia sẻ những khó khăn đến với những mảnh đời bất hạnh trên địa bàn hành phố Hồ Chí Minh với số tiền 1.996.500 đồng
  - + Hỗ trợ tiêu thụ gạo cho người dân huyện Krông Ana tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền: 134.400.000 đồng.



# PHẦN III BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

## I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### 1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty

#### ▪ Thuận lợi:

- Thành phố Thủ Đức được thành lập trên cơ sở sáp nhập Quận 2, 9 và quận Thủ Đức trực thuộc thành phố Hồ Chí Minh. Trong tương lai, khu vực hoạt động của TDW sẽ trở thành khu vực sầm uất nhất TP.HCM với sự gia tăng mật độ dân số và sự phát triển ồ ạt của các khu đô thị tại đây. Nắm bắt được tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã nhanh chóng lập kế hoạch kinh doanh nhằm đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của người dân và cũng như tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp.
- Được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ của Đảng ủy; Ban Tổng giám đốc và các phòng, ban chức năng trực thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- Trong quá trình hoạt động, luôn có sự đoàn kết, gắn bó trong đơn vị và sự chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, Hội Đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty tạo điều kiện nâng cao hiệu quả công việc.
- Được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác thống kê số hộ chưa được cấp nước; nhanh chóng cấp phép đào đường, hỗ trợ giải quyết, kiểm tra đối với các trường hợp gian lận trong việc sử dụng nước của khách hàng.

#### ▪ Khó khăn:

- Tốc độ đô thị hóa cao, hệ thống hạ tầng phát triển mạnh tuy nhiên lại không đồng bộ, dẫn đến tình trạng xây dựng chông chéo làm cho ống cấp nước bị chôn sâu, gây khó khăn cho công tác dò bể, thi công sửa bể, cũng như khó khăn cho công tác quản lý mạng lưới.
- Một số chỉ tiêu đầu tư xây dựng gặp nhiều khó khăn trong công tác thỏa thuận tuyến ống và chờ bàn giao mặt bằng thi công dẫn đến một số dự án chưa thực hiện theo tiến độ dự kiến. Một số công trình thi công gặp trở ngại do vướng các công trình hạ tầng khác phải cắt giảm khối lượng.
- Với bối cảnh nền kinh tế toàn cầu trong năm 2023 còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Thủ Đức còn gặp nhiều khó khăn đặc biệt là các lĩnh vực đầu tư bất động sản, hoạt động sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp đã ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu của Công ty.

### 2. Kết quả thực hiện

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ % TH/KH
1	Nước cung cấp (qua ĐHN)	1000 m <sup>3</sup>	107.000	108.676	101,57
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.253.612	1.277.119	101,88
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100,00



Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ % TH/KH
4	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	14,00	8,91	- 5,09

### 3. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và phục vụ xã hội.

#### a) Sản lượng nước cung cấp:

Cấp nước an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn quản lý góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Công ty.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ năm 2023 đạt 108.676.588 m<sup>3</sup> đạt 101,57% so với kế hoạch năm 2023 và bằng 106,95% so với thực hiện năm 2022.

#### b) Doanh thu tiền nước:

Với sự tăng trưởng của lượng nước tiêu thụ, chỉ tiêu doanh thu tiền nước đạt 1.277 tỷ đồng, đạt 101,88% so với kế hoạch năm 2023, và bằng 108,27% so với thực hiện năm 2022

Công tác rà soát, kiểm tra lượng nước tiêu thụ, đối tượng sử dụng của khách hàng, thực hiện điều chỉnh giá biểu, định mức đúng với thực tế. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ đăng ký và cấp định mức nước cũng được chú trọng thực hiện. Song song đó để hưởng ứng cuộc vận động của thành phố chung tay hỗ trợ công nhân, sinh viên ở trọ giảm bớt phần nào khó khăn trong cuộc sống, năm 2023 đã thực hiện cấp định mức cho 12.363 hộ, với tổng số nhân khẩu được cấp định mức là 266.542 người với 1.066.168 m<sup>3</sup> được cấp định mức.

Giá bán bình quân năm 2023 là 11.734,93 đồng/m<sup>3</sup> đạt 100,16% so với kế hoạch năm 2023 và bằng 101,21% so với thực hiện năm 2022.

Tiếp tục duy trì thực hiện chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã chủ động liên hệ với các ngân hàng và các tổ chức thu hộ. Việc mở rộng các kênh thanh toán đã tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền của đơn vị. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác như phần mềm Wasspro, phần mềm đọc số hỗ trợ công tác đọc chỉ số nước ngoài hiện trường...

#### c) Chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch:

Với nhiệm vụ cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố Thủ Đức, ý thức được đây là một nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng. Đứng trước nhiệm vụ được giao, Công ty đã quyết liệt trong việc triển khai thực hiện bằng nhiều biện pháp. Thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước, tập trung thi công hoàn tất, nhanh chóng đưa vào sử dụng, ưu tiên cho công tác gắn đồng hồ nước để người dân có nước sạch sử dụng. Ở những khu

vực chưa thể phát triển mạng lưới cấp nước, Công ty đã có nhiều giải pháp đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục như lắp đặt các bồn chứa nước để cung cấp nước sạch hoặc gắn đồng hồ tổng.

Công ty luôn chủ động phối hợp với chính quyền địa phương thống kê các hộ dân có nhu cầu được sử dụng nước sạch, các hẻm, đường chưa có tuyến ống cấp nước để lên phương án phát triển mạng lưới đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của người dân, bên cạnh đó thực hiện phong trào hướng đến anh, chị, em công nhân, sinh viên là người nhập cư hiện đang tạm trú trên địa bàn quản lý, kêu gọi, vận động chủ nhà trọ đăng ký định mức nước nhằm giảm bớt gánh nặng cho người nhập cư hiện tạm trú trong khu vực.

Với sự quyết tâm, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều biện pháp của lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân lao động Công ty tiếp tục giữ vững tỷ lệ 100% hộ dân được sử dụng nước sạch.

d) Công tác giảm nước thất thoát thất thu:

Trong năm 2023, Công ty đưa vào vận hành tổng cộng 113 DMA.

Phối hợp Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch kiểm tra, giám sát thực hiện công tác thay đồng hồ tổng định kỳ, tính toán sản lượng tiêu thụ trung bình đối với đồng hồ gặp sự cố, đảm bảo tính đúng tính đủ lượng mua bán si qua đồng hồ tổng hàng tháng. Điều tiết mạng lưới, tăng áp lực tuyến truyền tải cấp 2, đồng thời Công ty rà soát, đề xuất lắp đặt bổ sung các tuyến ống truyền tải cấp 2 trên địa bàn nhằm cải thiện áp lực cho Khu vực 2 (Quận 9 cũ) nói riêng, Thành phố Thủ Đức nói chung.

▪ Công tác giám sát địa bàn, xây dựng cơ sở dữ liệu GIS:

Thành lập và đưa vào vận hành trung tâm mạng lưới cấp nước NOC tháng 8 năm 2023 nhằm thu thập đầy đủ thông tin dữ liệu liên quan đến chế độ vận hành của hệ thống mạng lưới cấp nước ở chế độ thời gian thực (realtime). Cơ sở dữ liệu thu thập được có thể trích xuất báo cáo theo yêu cầu, đồng thời đảm bảo tính kết nối đối với hệ thống khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; Có đủ thông tin và công cụ phục vụ việc điều phối vận hành hệ thống mạng lưới cấp nước, tham mưu việc ra quyết định quy hoạch phát triển mạng lưới cấp nước.

Xây dựng quy trình quản lý hồ sơ hoàn công các công trình, đảm bảo cập nhật đầy đủ thông tin các tuyến ống, công trình mới theo tiến độ vào cơ sở dữ liệu THUDUCGIS.

▪ Ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật vào hoạt động giảm thất thoát nước: Ứng dụng mô hình thủy lực để phân tích hiện trạng vận hành DMA, quy hoạch lại vùng áp lực và xây dựng phương án điều phối áp lực mạng lưới các khu vực.

Triển khai ứng dụng App quản lý sự cố sửa bể từ tháng 2 đến nay đã cập nhật được hơn 6.000 điểm bể bao gồm hình ảnh, hồ sơ và vật tư hoàn công sửa bể.

Thực hiện nâng cấp phần mềm trang web Waternet quản lý áp lực online và APP xem qua điện thoại đồng thời tích hợp Logger các trạm giám giát chất lượng nước trên mạng lưới cấp nước.

Xây dựng kế hoạch triển khai DMA thông minh tại khu dân cư thuộc dự án Sài Gòn Mystery, Phường Bình Trưng Tây, Khu vực 1, TP Thủ Đức. Hiện tại đã hoàn tất gian đoạn thiết kế và chuẩn bị mua sắm vật tư, thiết bị ngành cấp nước.

Ban hành quy định mới về công tác bám chỉ mã vạch cho đồng hồ nước 15ly - 25ly phù hợp với tình hình thực tế địa bàn TP. Thủ Đức, mang lại hiệu quả tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước trên mạng lưới.

### 3. Những tiến bộ đã đạt được

- Hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong công tác giảm nước thất thoát.
- Không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn.
- Doanh thu năm sau đều tăng so với năm trước.
- Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu.
- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng yêu cầu của khách hàng...

## II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH :

### 1) Tình hình tài sản:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH 2023/ TH 2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
Tài sản ngắn hạn	233.856	184.060	78,71%	50,63%	39,47%
Tài sản dài hạn	228.051	282.314	123,79%	49,37%	60,53%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>461.907</b>	<b>466.375</b>	<b>100,97%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Trong năm 2023, Tổng tài sản của Công ty đạt 466,375 tỷ đồng, tương đương tăng 0,97% so với tổng tài sản năm 2022. Tổng tài sản tăng 4,468 tỷ đồng chủ yếu tăng do tài sản dài hạn tăng 54,264 tỷ đồng, chủ yếu do tăng do tài sản cố định tăng 50,3 tỷ đồng, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm 1,074 tỷ đồng và Chi phí trả trước dài hạn tăng 5,14 tỷ đồng, tương ứng tài sản ngắn hạn giảm 49,796 tỷ đồng, chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền giảm 57,69 tỷ đồng chi trả cho các khoản mua sắm tài sản trong năm.

Dư nợ phải trả người bán tăng lên 2,77 tỷ đồng chủ yếu là tiền mua nước sạch từ Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn nhưng chưa tới hạn thanh toán. Doanh thu thuần đạt 1.282 tỷ đồng trong 2023 và tăng 98 tỷ đồng tương đương tăng 8,32% so với cùng kỳ năm 2022, nhờ vào sản lượng tiêu thụ nước trong năm tăng và giá bán nước sạch bình quân cũng tăng.

Cơ cấu tài sản của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức biến động chủ yếu ở phần tài sản ngắn hạn, khi giá trị tài sản dài hạn tăng 54,264 tỷ đồng năm 2023 tương đương tăng mạnh 23,79% so với năm 2022 và tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 60,53% trong tổng tài

sản của Công ty. Nguyên nhân công ty giảm tài sản ngắn hạn cụ thể là tiền chi trả mua sắm tài sản cố định và chia trả cổ tức cổ đông phần lợi nhuận năm 2022 với tỷ lệ 14% và lợi nhuận còn lại chưa phân phối của những năm trước với tỷ lệ 20%.

## 2) Tình hình nợ phải trả

### 2.1 Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH 2023/ TH 2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
Nợ ngắn hạn	204.004	215.650	105,71%	85,61%	92,49%
Nợ dài hạn	34.304	17.499	51,01%	14,39 %	7,51%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>238.308</b>	<b>233.149</b>	<b>97,84%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Trong năm 2023, Nợ phải trả ngắn hạn của Công ty tăng mức trung bình lên 215 tỷ, tương ứng mức tăng 5,7% so với năm 2022 với mức tăng 11,645 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chưa thanh toán tiền nước sạch các khoản phải trả người bán là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. Ngoài ra nợ phải trả dài hạn sụt giảm đi 48,99 % còn 17,50 tỷ đồng từ mức 34,3 tỷ đồng năm 2022, nguyên nhân do Công ty đã thanh toán bớt các khoản vay dài hạn của ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, từ đó cũng giảm áp lực trả nợ và lãi vay cho công ty.

### 2.2 Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng đến chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Năm 2023, Công ty không có nợ phải trả quá hạn, một số khoản nợ chưa thanh toán do nhà cung cấp chưa làm thủ tục đề nghị thanh toán..

## III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty đã tiến hành cải cách các chính sách của Ban quản lý đối với cán bộ công nhân viên trong tổ chức, cụ thể như sau:

#### ▪ Về công tác nhân sự

Thực hiện đổi mới công tác tuyển dụng, ngay từ đầu năm Công ty đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự, xem chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, then chốt hàng đầu để tìm kiếm nhân sự đáp ứng yêu cầu công tác của từng bộ phận, đảm bảo nhân sự được sắp xếp, bố trí công tác hợp lý, tránh lãng phí, Công ty xem xét, chú trọng ngay từ khâu tuyển dụng trên cơ sở định biên lao động để bố trí công tác. Việc xét nâng bậc lương tại các bộ phận cũng được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

#### ▪ Về công tác đào tạo

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố cốt lõi trong quá trình hình thành và phát triển Công ty nên chất lượng đội ngũ nhân viên được Ban lãnh đạo quan tâm. Vì vậy, các buổi đào tạo

được Công ty tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn, kiến thức để đảm bảo nhân viên hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Đặc biệt đối với bộ phận lao động trực tiếp, Công ty khuyến khích nhân viên tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao tay nghề như thi nâng bậc, học các quy trình mới,... qua các khoá học ngắn hạn. Việc tổ chức dự thi tay nghề được thực hiện đúng trường hợp, đúng thời hạn

#### ▪ Về công tác hành chính – quản trị

Quan tâm và cải thiện điều kiện làm việc, chú trọng công tác vệ sinh công sở, tạo điều kiện làm việc tốt nhất để người lao động yên tâm công tác như sửa chữa, trang bị thêm tiện nghi nhà vệ sinh, gắn thêm quạt hút, máy điều hòa nhiệt độ tại các phòng làm việc, phòng lưu trữ hồ sơ, phòng trực sửa bể, tận dụng bố trí mặt bằng làm nơi tập kết vật tư phục vụ công tác thi công...

Chú trọng việc đảm bảo an ninh trật tự và an toàn phòng chống cháy nổ, trang bị xe đẩy chữa cháy, thường xuyên kiểm tra dụng cụ, phương tiện chữa cháy, kiểm định an toàn hệ thống chống sét, nạp bình chữa cháy theo quy định.

## IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức ngoài việc kinh doanh mang lại hiệu quả cho Công ty còn phải thực hiện nhiệm vụ chính trị là cung cấp nước sạch, góp phần cải thiện đời sống an sinh xã hội cho nhân dân.

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả đạt được trong năm 2023, Công ty định hướng kế hoạch SXKD năm 2024 như sau:

### 1 Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024

- Gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.
- Bảo toàn, sử dụng hiệu quả đồng vốn của Công ty.
- Duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo và nâng cao thu nhập, chăm lo đời sống tinh thần của CBCNV.
- Đảm bảo chất lượng nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.
- Tỷ lệ nước thất thoát thất thu ở mức bình quân: 12,50%.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật

### 2. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính năm 2024

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2024
<b>A</b>	<b>Sản xuất kinh doanh</b>		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m <sup>3</sup>	110.200.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.305.650
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100,00

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2024
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	12,50
<b>B</b>	<b>Tài chính</b>		
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.316.656
2	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	64.853
3	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	51.883
4	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq	%	21,20
4.1	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq (theo TT 200/2021/TT-BTC)	%	42,75
5	Cổ tức	%	12,00
<b>C</b>	<b>Quỹ tiền lương Người quản lý</b>		
1	Quỹ tiền lương	tr.đồng	3.447
2	Thù lao HĐQT/BKS (không chuyên trách)	tr.đồng	696

### 3. Biện pháp thực hiện

#### a) Công tác điều hành và tổ chức.

- Tăng cường chỉ đạo tập trung thống nhất, nâng cao năng lực bộ máy điều hành và quản lý của Công ty theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Tiếp tục công tác xây dựng và cải tiến các qui chế làm việc tại các phòng chức năng nhằm phát huy sự liên kết và phối hợp trong toàn Công ty tạo tiền đề cho việc hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh đã đề ra.
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo sự đoàn kết, đảm bảo sự hài hoà giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân để gắn kết mọi người cùng hành động vì mục tiêu chung là phát triển doanh nghiệp một cách bền vững.
- Cải tiến, nâng cao sự phối hợp giữa các phòng chức năng trong xử lý công việc, tiếp tục xây hoàn thiện công tác dịch vụ khách hàng mô hình “một cửa liên thông”, tránh phiền hà cho người dân, nâng cao trách nhiệm và tinh thần phục vụ của bộ phận dịch vụ khách hàng.
- Rà soát, xây dựng lại các quy định, quy trình xử lý nợ tiền nước, gian lận, sử dụng nước bất hợp pháp... để giải quyết công việc một cách nhanh chóng, công bằng, khách quan, tránh tình trạng tiêu cực, móc nối với khách hàng.
- Tiếp tục duy trì và phát triển website công ty tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể tra cứu thông tin, trao đổi về các dịch vụ cung cấp của công ty một cách thuận tiện nhất.

#### b) Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.



- Xây dựng, đổi mới quy trình một cách khoa học, phù hợp với tình hình thực tế trong việc giải quyết yêu cầu, đề nghị của khách hàng, tránh để tồn đọng hồ sơ, các phòng chức năng chủ động cải tiến quy trình làm việc, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.
- Nghiên cứu, xây dựng ứng dụng chăm sóc khách hàng trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.
- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện mô hình “chăm sóc khách hàng” tạo thuận tiện, rút ngắn thời gian giải quyết các yêu cầu của khách hàng.
- Tuyên truyền, giáo dục, tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, phục vụ khách hàng.
- Chủ động phối hợp cùng chính quyền địa phương giải quyết nhanh chóng các yêu cầu về cấp nước của nhân dân.

c) Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, tiếp tục triển khai công tác chống gian lận nước. Triệt để giải quyết các hóa đơn bằng không; hóa đơn tính trung bình nhiều kỳ.
- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, tiếp tục triển khai công tác chống gian lận nước. Triệt để giải quyết các hóa đơn bằng không; hóa đơn tính trung bình nhiều kỳ. Có biện pháp để tiếp cận đồng hồ nước đóng cửa nhiều kỳ, nghi ngờ gian lận.
- Tăng cường công tác kiểm tra các đồng hồ nước có chỉ số tiêu thụ bất thường.
- Đẩy nhanh công tác phát triển mạng lưới, gắn mới đồng hồ nước cho khách hàng giảm thiểu các giải pháp cấp nước tạm thời bằng xe bồn, cấp nước qua đồng hồ tổng.
- Tiếp tục hoàn thiện Mô hình thủy lực tổng thể mạng lưới cấp nước của Công ty để đánh giá hiện trạng áp lực trên toàn mạng lưới cấp nước nhằm có phương án quy hoạch lại mạng lưới cấp nước theo định hướng phát triển của Tp.Thủ Đức.
- Tiếp tục tập trung công tác dò bể ngầm và kéo giảm lượng nước thất thoát tại các DMA có tỷ lệ thất thoát nước cao, thực hiện rà soát các đồng hồ tổng trên địa bàn, thực hiện kế hoạch kiểm tra thường xuyên, thay pin đồng hồ tổng/ Datalogger kịp thời, đảm bảo các đồng hồ tổng hoạt động ổn định.

d) Các chỉ tiêu đầu tư xây dựng:

- Tập trung làm tốt và làm nhanh hồ sơ dự án ở khâu chuẩn bị đầu tư như (báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo khảo sát thiết kế, lập dự toán thi công...) để chuyển nhanh sang bước thực hiện đầu tư.
- Chủ động cân đối nguồn vốn thực hiện dự án phát triển mạng lưới cấp nước; Đảm bảo giải quyết 100% các hộ dân được gắn đồng hồ nước ở các khu vực đã có mạng lưới cấp nước.
- Thống kê các khu vực đường ống có tuổi thọ lâu năm, xì bể nhiều lần để đưa vào kế hoạch cải tạo, thay mới. Tăng cường công tác phối hợp giữa các phòng, cơ quan chức năng liên quan để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án.
- Chủ động trong công tác mua sắm vật tư, trang thiết bị ngay trong quý I/2024 để có cơ sở hoàn thành kế hoạch của Công ty. Tăng cường công tác giám sát thi công, kiểm tra

chất lượng vật tư trước khi thi công, công tác hậu kiểm để đảm bảo chất lượng thi công công trình.

- Tăng cường công tác quản lý hệ thống van, thường xuyên vận hành thử, bảo trì hệ thống van trên mạng lưới, đặc biệt là các van cô lập mạng lưới. Công tác coi van phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, không để tình trạng khuất lấp van trên mạng lưới, cập nhật mã van lên mạng lưới cấp nước.
- Tăng cường công tác giám sát thi công, giám sát tái lập mặt đường các công trình phát triển và cải tạo ống mục trên địa bàn quản lý, đảm bảo thi công đúng kỹ thuật, vật tư đạt chất lượng, đảm bảo công tác tái lập cát lót ống, chú trọng công tác sửa bể ống nhánh. Đảm bảo bít hủ hết nước các tuyến ống cũ trong các công trình cải tạo ống cũ mục.
- Tăng cường công tác tuần tra mạng lưới cấp nước, kết hợp địa phương lập biên bản xử lý ngay tại hiện trường các trường hợp gây xì bể và tiến hành sửa bể kịp thời tránh thất thoát.

đ) Công tác quản lý tài chính, quản lý vật tư tài sản, máy móc thiết bị:

- Tổ chức thực hiện quy trình quản lý tài chính, vật tư theo đúng quy định.
- Triển khai kịp thời công tác đấu thầu dự án mua sắm vật tư theo đúng quy định, đảm bảo tính công bằng, lựa chọn nhà thầu có năng lực.
- Cân đối sử dụng hợp lý và quản lý chặt chẽ nguồn vốn.
- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý:

- Tiếp tục xây dựng phần mềm thống kê, tra cứu số liệu sản xuất kinh doanh, công tác vận hành mạng lưới cấp nước, phục vụ công tác quản lý điều hành (phiên bản Mobile app).
- Xây dựng ứng dụng, hệ thống cổng kết nối API Getway phục vụ kết nối liên thông các phần mềm công nghệ thông tin quản lý nghiệp vụ sản xuất kinh doanh, tích hợp các chức năng của các phần mềm như: App bấm chỉ mã vạch, thay đồng hồ, gắn mới miễn phí, quản lý thu hộ, Wasspro, Hóa đơn điện tử ...
- Tiếp tục nâng cấp, cập nhật các tính năng mới cho các phần mềm hiện hành tại đơn vị.
- Tiếp tục hoàn thiện Mô hình thủy lực tổng thể mạng lưới cấp nước của Công ty để đánh giá hiện trạng áp lực trên toàn mạng lưới cấp nước nhằm có phương án quy hoạch lại mạng lưới cấp nước theo định hướng phát triển của Tp.Thủ Đức.

g) Các công tác khác:

- Thực hiện chủ trương của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần ổn định hoạt động của đơn vị.
- Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng chủ động phối hợp phát động phong trào thi đua hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, đồng thời tích cực hưởng ứng các đợt thi đua do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức phát động.



- Duy trì các hoạt động thực hiện nếp sống văn minh đô thị, văn minh trong công sở, chống ô nhiễm môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc.
- Thông qua phong trào thi đua, phát hiện các nhân tố tích cực để đào tạo bồi dưỡng giới thiệu cho các Chi bộ.
- Cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân lao động.

## **V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY:**

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

### **Quản lý nguồn nguyên liệu:**

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn Thành phố Thủ Đức. Nguồn nước cung cấp được lấy từ Nhà máy nước Thủ Đức là nhà máy có công suất lớn nhất khu vực miền Nam. Chất lượng nước cung cấp luôn tuân thủ các quy định do Nhà nước ban hành. Công tác bảo trì, bảo dưỡng đường ống dẫn nước, đồng hồ nước,... cũng được thực hiện thường xuyên nhằm hạn chế tối đa lượng nước thất thoát trong quá trình truyền tải nước từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và từ Nhà máy nước Thủ Đức đến các hộ dân trong khu vực

### **Tiêu thụ năng lượng:**

Năng lượng chính được sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là điện năng. Phần lớn nguồn điện phục vụ cho quá trình vận hành các thiết bị khu văn phòng. Tuy nhiên, Công ty chủ trương sử dụng hợp lý nguồn năng lượng này và khuyến khích tập thể người lao động tiết kiệm điện trong công việc, cũng như trong đời sống.

### **Tiêu thụ nước:**

Hoạt động kinh doanh chính của TDW là cấp nước cho khu vực dân cư, chính vì thế Công ty luôn có chính sách khuyến khích cán bộ, công nhân việc thực hiện phương châm “tiết kiệm nước là tiết kiệm nguồn tài nguyên cho quốc gia”.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Hằng năm, Công ty thực hiện tổ chức các khoá đào tạo, huấn luyện nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý phù hợp với các cấp quản lý và bộ phận lao động. Thêm vào đó, công tác triển khai hoạt động thể thao, văn nghệ để tăng cường giao lưu giữa các phòng ban là một phần không thể thiếu giúp nâng cao tinh thần đoàn kết trong Doanh nghiệp.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng chú trọng đến công tác xã hội, hỗ trợ cuộc sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Trong năm qua, Công ty đã tổ chức quyên góp, giúp đỡ người nghèo, người già neo đơn trong khu vực, đồng thời tuyên dương, khen thưởng các em học sinh có thành tích cao trong học tập.

## PHẦN IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực của tập thể Cán bộ - Công nhân lao động và sự chỉ đạo kịp thời của Ban điều hành, năm 2023 Công ty đã hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn, đồng thời cung cấp đầy đủ và kịp thời báo cáo theo quy định của Luật Kế toán và Luật Chứng khoán, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo điều hành và quản trị nội bộ.

Về mặt kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định về cấp nước, mở nhiều kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi.

Đánh giá được tầm quan trọng và hiệu quả của Chương trình giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp phù hợp như: tập trung triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước; kiểm soát các khu vực có đồng hồ nước tiêu vùng; tăng cường công tác dò tìm và sửa bể...

Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Công ty đã phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng. Chỉ đạo và giám sát thường xuyên công tác tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;

Hoàn thành chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn.

Về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty.

### 2. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc

Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Ban giám đốc trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh.

- Tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.
- Kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý
- Duy trì chế độ họp nghiệp vụ định kỳ nghiêm túc và hiệu quả, thể hiện được vai trò chỉ huy và thống nhất trong Ban giám đốc.

- Có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy và quản lý công việc hiệu quả.
- Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

### **3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Trong thời gian tới, với quy hoạch phát triển của Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đòi hỏi Công ty phải nỗ lực hơn nữa để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân thành phố; tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Công ty quản lý, cũng như của toàn Tp.HCM.

Công ty cần xác định, khai thác các cơ hội trong từng giai đoạn khó khăn thách thức để phát triển. Phát huy thế mạnh của mô hình cổ phần hóa nhằm góp phần tạo sự chủ động trong công tác sản xuất kinh doanh; tập trung sắp xếp hoàn thiện bộ máy tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, kết hợp định hướng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của đơn vị.

#### **3.1 Công tác điều hành và quản trị doanh nghiệp**

Hội đồng quản trị tiếp tục giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động của doanh nghiệp theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm.

Phối hợp cùng Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập trong quá trình điều hành quản lý Công ty nhằm đưa ra các biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời các rủi ro xảy ra trong hoạt động tài chính.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp.

Rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy trình cho phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế tại doanh nghiệp để tạo sự chủ động, tính chịu trách nhiệm đi kèm, tăng cường kiểm tra giám sát tính tuân thủ và hiệu quả công việc.

Hoàn thiện, kiện toàn bộ máy tổ chức tinh gọn cho phù hợp với hoạt động của công ty cổ phần và xu thế phát triển trong khu vực.

#### **3.2 Công tác nhân sự**

Trọng tâm của kế hoạch nhân sự là chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu nhân sự cho mục tiêu phát triển công ty.

Đội ngũ nhân lực đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển doanh nghiệp, để tạo nền tảng vững mạnh thì cần phải đào tạo người lao động nắm được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc. Muốn xây dựng doanh nghiệp bền vững thì đòi hỏi phải dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao, với kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm dày dặn sẽ thúc đẩy năng suất lao động.

#### **3.3 Công tác khác**

Tăng cường công tác dân chủ thông qua các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, Công đoàn,

Đoàn thanh niên để xây dựng Công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp bền vững.

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, giúp người lao động yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.

**I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

Cơ cấu Hội đồng quản trị tính đến ngày 31/12/2023 như sau:

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện số hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	CT.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Chuyên trách
2	Nguyễn Công Minh	TV.HĐQT kiêm GD	1.083.750	800	1.083.750 800 (sh)	ĐD:12,75% SH: 0,01%	Điều hành
3	Đặng Đức Hiền	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó tổng giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.</li> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn</li> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ quảng trường Quốc tế</li> </ul>					
4	Lê Trọng Thuận	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng phòng Kinh doanh Dịch vụ khách hàng Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV</li> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn</li> </ul>					
5	Trương Khắc Hoàn	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám đốc - Công ty TNHH Nước sạch REE.</li> <li>- Thành viên HĐQT các công ty: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức</li> <li>+ Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp</li> <li>+ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà</li> <li>+ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa</li> <li>+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch sài Gòn</li> </ul> </li> </ul>					
6	Nguyễn Anh Tuấn	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý phát triển kinh doanh – Công ty TNHH Nước sạch REE</li> <li>- Thành viên HĐQT các công ty: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định</li> <li>+ Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè</li> <li>+ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà</li> <li>+ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa</li> </ul> </li> </ul>					

## 2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

## 3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao nhất, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của công ty.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
1	08 /NQ-CNTĐ- HĐQT	01/3/2023	- Thông qua kế hoạch triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
	10 /NQ-CNTĐ- HĐQT	01/3/2023	- Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Đầu tư xây dựng; Mua sắm vật tư, trang thiết bị năm 2023.
2	14/NQ-CNTĐ- HĐQT	27/3/2023	- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022; Đơn giá hợp đồng mua bán sỉ năm 2023 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên. - Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về Báo cáo tài chính năm 2021. - Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022. - Báo cáo tài chính năm 2022; và Dự thảo BCTC năm 2022 kiểm toán. - Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2022. - Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022 (trình ĐHĐCĐ) - Kế hoạch tài chính; Kế hoạch Quỹ tiền lương năm 2023 - Giao dịch với các bên liên quan năm 2023 - Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
3	22/NQ-CNTĐ- HĐQT	17/5/2023	- Bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty
4	24/NQ-CNTĐ- HĐQT	18/5/2023	- Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức từ lợi nhuận kinh doanh năm 2022 và từ lợi nhuận chưa phân phối các năm trước
5	28/NQ-CNTĐ- HĐQT	30/5/2023	- Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY làm đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023
6	30/NQ-CNTĐ-	31/5/2023	- Miễn nhiệm, bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
	HĐQT		
7	33/NQ-CNTĐ- HĐQT	21/6/2023	- Kế hoạch kiểm toán nội bộ
8	36/NQ-CNTĐ- HĐQT	26/9/2023	- Kết quả tài chính quý II, BCTC giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét - Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước theo Báo cáo kiểm toán năm 2021. - Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 - Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch ĐTXD, mua sắm năm 2023 - Báo cáo của bộ phận Kiểm toán nội bộ về công tác kiểm toán tại Công ty 6 tháng đầu năm 2023
9	39/NQ-CNTĐ- HĐQT	22/12/2023	- Báo cáo tài chính Quý III; Ước thực hiện năm 2023 - Hợp đồng thuê tài sản (mạng lưới cấp nước) năm 2023 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Hợp đồng thuê tài sản (mạng lưới cấp nước) năm 2023 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Báo cáo của đơn vị tư vấn về Chi phí mua si nước sạch thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần và thời điểm bán nước qua đồng hồ tổng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Kế hoạch SXKD; Đầu tư xây dựng; Tài chính và Kế hoạch lao động năm 2024. - Quy chế quản lý, sử dụng tài sản - Xây dựng định hướng, chiến lược phát triển Công ty trong 03 năm tới

**4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập :** Không

**5. Danh sách các thành viên HĐQT trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty**

a) Danh sách thành viên có hứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Đặng Đức Hiền – Thành viên Hội đồng quản trị.
- Nguyễn Thị Ngọc Hạnh – Trưởng Ban kiểm soát.
- Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty.

b) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không



## II. BAN KIỂM SOÁT

### 1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần năm giữ cá nhân	Tổng CP biểu quyết	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng ban chuyên trách	-	-	-	-
2	Trương Quế Hương	Thành viên	-	-	-	-
3	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	-	-	-	-
4	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	-	-	-	-

### 2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế Quản trị của Công ty, Ban Kiểm soát đã xây dựng và triển khai Chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành về việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023 như sau :

- Giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch Tài chính năm 2023;
- Đề xuất Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty;
- Giám sát việc chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm;
- Xem xét tính phù hợp các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, các Quyết định của Ban Giám đốc trong công tác quản lý.
- Thẩm định các Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo Tài chính quý, năm của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ quyền lợi của Cổ đông.
- Giám sát việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ; Thực hiện chia cổ tức cho Cổ đông.
- Tham dự các phiên họp Hội đồng Quản trị, qua đó nắm bắt thông tin kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.
- Tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban Kiểm soát theo đúng quy định để soát xét, đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tham gia tập huấn, cập nhật thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn và chính sách pháp luật có liên quan để phục vụ tốt công tác.

### 3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức các phiên họp để thông qua tài liệu trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023; xem xét, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, Báo cáo Tài chính bán niên 2023 đã soát xét, Báo cáo Tài chính quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm của Công ty. Ngoài ra, các thành viên Ban Kiểm soát còn tham dự các cuộc họp theo Thư mời của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đều tham dự họp đầy đủ, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát cụ thể như sau:

Stt	Biên bản họp	Ngày họp	Nội dung họp
1	01/BB-BKS	01/3/2023	Đề xuất Danh sách tổ chức Kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính Công ty năm 2023.
2	02/BB-BKS	24/3/2023	- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2022; Xem xét thẩm tra Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.  - Thông qua Dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023; Xem xét các tài liệu chuẩn bị Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023.
3	03/BB-BKS	22/8/2023	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Tài chính bán niên năm 2023 của Công ty đã được soát xét.
4	04/BB-BKS	02/11/2023	Đánh giá Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Tài chính Quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm 2023 của Công ty.

## III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT.

### 1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2022 (NQL)	Ghi chú
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>						
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	Chủ tịch HĐQT	620.212.032	-	75.353.302	
2	Nguyễn Công Minh	Tv.HĐQT kiêm GĐ	510.559.604	72.000.000	45.414.168	
3	Đặng Đức Hiền	Thành viên	-	72.000.000	18.533.333	

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2022 (NQL)	Ghi chú
4	Trương Khắc Hoàn	Thành viên	-	72.000.000	18.533.333	
5	Lê Trọng Thuận	Thành viên	-	72.000.000	18.533.333	
6	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	-	72.000.000	18.533.333	
7	Nguyễn Ngọc Hùng	Tv.HĐQT kiêm GD	28.826.813	-	22.707.084	Miễn nhiệm ngày 26/4/2022
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>						
1	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng ban	505.188.123	-	61.355.785	
2	Trương Quế Hương	Trưởng ban	-	48.000.000	6.177.778	Bổ nhiệm ngày 26/4/2022
3	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	-	48.000.000	9.266.666	
4	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	-	48.000.000	9.266.666	
5	Hoàng Ngọc Lâm	Thành viên	-	-	3.088.889	Miễn nhiệm ngày 26/4/2022
<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>						
1	Phạm Huỳnh Bá Đạt	PGĐ	460.224.128	-	20.082.549	Bổ nhiệm ngày 08/9/2022
2	Trần Hưng Thành	PGĐ	220.455.917	-	-	Bổ nhiệm ngày 17/5/2023
3	Nguyễn Công Thành	PGĐ	205.935.881	-	-	Bổ nhiệm ngày 01/6/2023
4	Lâm Tứ Duy	PGĐ	36.559.166	-	28.189.445	Miễn nhiệm ngày 07/6/2022
5	Nguyễn Tuấn Ngọc	PGĐ	47.545.338	-	42.284.167	Miễn nhiệm ngày 08/9/2022
6	Nguyễn Thị Thùy Linh	PGĐ	249.076.887	-	25.564.910	Miễn nhiệm ngày 01/6/2023.
7	Cao Hữu Lộc	Kế toán trưởng	480.266.276	-	58.322.990	

**2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan: Không**

**3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ.**

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CMND/ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Cổ đông lớn nắm giữ 51% (Cổ đông Nhà nước) - Công ty mẹ	0301129367, Ngày cấp: 23/03/2010. Nơi cấp: Sở KHĐT – Tp.HCM	01 Công trường Quốc tế, P6, Q3, TPHCM	2023	18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2023	854.691.747.608	Mua bán si nước sạch (đơn giá 6.812,73 đồng/m <sup>3</sup> )
							1.512.328.400	Chuyển nhượng vật tư chuyên ngành
							11.121.730.473	Thuê tài sản hoạt

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CMND/ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
								động (mạng lưới cấp nước)
							242.191.273	Truyền thông; Đào tạo; Bồi dưỡng thi nâng bậc
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Cùng công ty mẹ (TCT Cấp nước Sài Gòn)	0304789298 Ngày cấp: 02/01/2007 Nơi cấp: Sở KHĐT – Tp.HCM	1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, P. Tân Phong, Quận 7, TP. HCM	2023	14/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 27/3/2023	120.941.640	Mua nước uống đóng chai
3	Công ty Cổ phần Cơ Khí công trình Cấp nước	Cùng công ty mẹ (TCT Cấp nước Sài Gòn)	0304772551 Ngày cấp: 03/01/2007 Nơi cấp: Sở KHĐT – Tp.HCM	C12 Ấp Thống Nhất 1, Xã Tân Thới Nhì, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM	2023	14/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 27/3/2023	865.456.500	Sửa chữa, tân trang; kiểm định đồng hồ nước
4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Cùng công ty mẹ (TCT Cấp nước Sài Gòn)	0304796129 Ngày cấp: 12/01/2007 Nơi cấp: Sở KHĐT – Tp.HCM	54A đường Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	2023	14/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 27/3/2023	898.234.459	Chi phí tư vấn lập BCKTKT; giám sát

#### 4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức luôn tuân thủ và thực hiện đúng quy định pháp luật về việc thực hiện và công bố thông tin. Đồng thời, luôn xem xét các thông lệ và điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật về quản trị công ty cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

## 1. Ý kiến kiểm toán:

Trích Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức năm 2023.

### ▪ Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### ▪ Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 39 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo Kết quả kiểm toán tại Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV số 776/TB-KTNN ngày 19/12/2022, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã phối hợp rà soát, xác định khối lượng nước và giá trị Công ty phải hoàn trả thêm cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, liên quan đến số tiền chênh lệch giữa doanh thu và giá vốn cung cấp nước sạch đến trước thời điểm chính thức cổ phần hóa và chi phí mua sỉ nước sạch từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi bắt đầu bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng với giá trị lần lượt là 2.959.783.812 đồng và 8.735.072.328 đồng, tổng cộng là 11.694.856.140 đồng. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính, dẫn đến số dư đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được trình bày lại.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.

## 2. Báo cáo tài chính 2023 được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2023 Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã được kiểm toán bởi Công ty Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Chi tiết được thể hiện tại Báo cáo tài chính đính kèm.

Tp.HCM, ngày 02 tháng 4 năm 2024

**GIÁM ĐỐC**

### Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK Tp.HCM;
- HĐQT; BKS;
- BGD;
- Lưu.

**Nguyễn Công Minh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 44



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 trình bày từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

### **KHÁI QUÁT CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập từ quá trình cổ phần hóa Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 01 năm 2007 và thay đổi lần thứ năm vào ngày 28 tháng 04 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính tại số 08 Đường Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Quản lý phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV);
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Xây dựng công trình cấp nước, tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Tổng Đăng Khoa	Chủ tịch
Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên
Ông Lê Trọng Thuận	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Công Minh	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên
Bà Trương Quế Hương	Thành viên

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Công Minh	Giám đốc	
Ông Phạm Huỳnh Bá Đạt	Phó Giám đốc	
Ông Trần Hưng Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 17/05/2023
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 01/06/2023
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 01/06/2023

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Cao Hữu Lộc.

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Công Minh - Giám đốc.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



---

**NGUYỄN CÔNG MINH**

**Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024*



Số: 27 /2024/UHYHCM-BCKTDL

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, trình bày từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 39 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo Kết quả kiểm toán tại Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV số 776/TB-KTNN ngày 19/12/2022, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã phối hợp rà soát, xác định khối lượng nước và giá trị Công ty phải hoàn trả thêm cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, liên quan đến số tiền chênh lệch giữa doanh thu và giá vốn cung cấp nước sạch đến trước thời điểm chính thức cổ phần hóa và chi phí mua sỉ nước sạch từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi bắt đầu bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng với giá trị lần lượt là 2.959.783.812 đồng và 8.735.072.328 đồng, tổng cộng là 11.694.856.140 đồng. Theo đó, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính, dẫn đến số dư đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được trình bày lại.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 27/03/2023.



**Phan Thanh Điền**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 1496-2023-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024*

**Hà Thị Thanh Thúy**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 4707-2024-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>184.060.424.039</b>	<b>233.856.732.954</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>92.529.437.964</b>	<b>150.222.371.210</b>
Tiền	111		67.529.437.964	57.005.842.428
Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	93.216.528.782
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>3.573.312.106</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.450.000.000	3.573.312.106
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.882.100.672</b>	<b>13.144.264.709</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	16.580.043.485	12.894.763.951
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.956.488.135	4.097.236.065
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.086.660.954	850.857.663
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.741.091.902)	(4.698.592.970)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>57.578.203.986</b>	<b>58.225.465.500</b>
Hàng tồn kho	141		57.823.268.273	58.293.056.411
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(245.064.287)	(67.590.911)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.620.681.417</b>	<b>8.691.319.429</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	9.684.648.981	6.626.589.052
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.936.032.436	2.064.730.377
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>282.314.916.383</b>	<b>228.051.085.989</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>175.000.000</b>	<b>533.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9	175.000.000	533.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>266.006.153.994</b>	<b>215.650.963.153</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	259.782.579.972	214.513.706.678
- Nguyên giá	222		945.464.326.060	846.466.316.615
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(685.681.746.088)	(631.952.609.937)
Tài sản cố định vô hình	227	14	6.223.574.022	1.137.256.475
- Nguyên giá	228		15.853.650.168	9.273.160.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.630.076.146)	(8.135.903.693)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.160.765.678</b>	<b>8.235.726.159</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	7.160.765.678	8.235.726.159
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.972.996.711</b>	<b>3.631.396.677</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	7.568.351.140	2.420.322.552
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	1.404.645.571	1.211.074.125
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>466.375.340.422</b>	<b>461.907.818.943</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>233.149.323.467</b>	<b>238.308.843.439</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>215.650.029.028</b>	<b>204.004.585.727</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	112.396.314.151	109.623.821.136
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3.701.834.600	3.632.867.153
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	30.553.653.503	33.325.545.399
Phải trả người lao động	314		25.313.326.253	22.011.040.452
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.285.404.704	1.828.472.333
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	18.633.045.536	13.270.028.298
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	12.881.569.000	12.881.569.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.884.881.281	7.431.241.956
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.499.294.439</b>	<b>34.304.257.712</b>
Phải trả dài hạn khác	337	21	-	3.940.239.273
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	17.499.294.439	30.364.018.439
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>233.226.016.955</b>	<b>223.598.975.504</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>233.226.016.955</b>	<b>223.598.975.504</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.000.000.000	85.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		36.373.209.808	36.373.209.808
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		111.852.807.147	102.225.765.696
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		57.946.491.296	54.706.026.490
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		53.906.315.851	47.519.739.206
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>466.375.340.422</b>	<b>461.907.818.943</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

THẠCH DƯƠNG KIM AN

Kế toán trưởng

CAO HỮU LỘC

Giám đốc



NGUYỄN CÔNG MINH



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.282.670.921.859	1.184.091.146.870
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	110.843.576	79.675.067
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.282.560.078.283</b>	<b>1.184.011.471.803</b>
Giá vốn hàng bán	11	27	825.408.114.272	798.041.729.036
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>457.151.964.011</b>	<b>385.969.742.767</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	2.104.543.187	3.606.099.475
Chi phí tài chính	22	29	3.112.774.657	3.585.242.986
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.112.774.657</i>	<i>3.585.242.986</i>
Chi phí bán hàng	25	30	252.221.054.320	217.954.878.923
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	142.390.819.321	113.054.588.110
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>61.531.858.900</b>	<b>54.981.132.223</b>
Thu nhập khác	31	31	10.597.092.697	15.775.651.543
Chi phí khác	32	32	4.042.587.786	9.710.500.343
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>6.554.504.911</b>	<b>6.065.151.200</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>68.086.363.811</b>	<b>61.046.283.423</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	14.373.619.406	14.737.618.342
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(193.571.446)	(1.211.074.125)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>53.906.315.851</b>	<b>47.519.739.206</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	6.342	3.781
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	36	6.342	3.781

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

THẠCH DƯƠNG KIM AN

Kế toán trưởng

CAO HỮU LỘC

Giám đốc



NGUYỄN CÔNG MINH

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>68.086.363.811</b>	<b>61.046.283.423</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		56.503.282.834	51.122.361.811
Các khoản dự phòng	03		1.219.972.308	1.085.634.310
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.196.272.137)	(3.973.409.555)
Chi phí lãi vay	06		3.112.774.657	3.585.242.986
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>126.726.121.473</b>	<b>112.866.112.975</b>
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(7.807.210.223)	1.480.482.270
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		469.788.138	(6.073.104.412)
Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.014.391.080	24.494.610.742
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(8.206.088.517)	4.840.677.944
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.149.558.639)	(3.580.376.910)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.832.333.509)	(10.360.223.515)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	24.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.925.635.075)	(9.876.211.591)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>83.289.474.728</b>	<b>113.815.967.503</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(103.607.662.098)	(59.442.706.840)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		476.552	367.310.080
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.450.000.000)	(359.728.544)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.573.312.106	44.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.276.511.367	7.190.802.750
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(99.207.362.073)</b>	<b>(8.244.322.554)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.864.724.000)	(12.864.724.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.910.321.901)	(10.271.960.950)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(41.775.045.901)</b>	<b>(23.136.684.950)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(57.692.933.246)</b>	<b>82.434.959.999</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>150.222.371.210</b>	<b>67.787.411.211</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>92.529.437.964</b>	<b>150.222.371.210</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

THẠCH DƯƠNG KIM AN

Kế toán trưởng

CAO HỮU LỘC

Giám đốc



NGUYỄN CÔNG MINH



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập từ quá trình cổ phần hóa Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 01 năm 2007 và thay đổi lần thứ năm vào ngày 28 tháng 04 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 85.000.000.000 đồng, được chia thành 8.500.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 08 Đường Khổng Tử, Phường Bình Thới, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 449 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 438 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV);
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát xây dựng);
- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác.

**1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp nước sạch và dịch vụ. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch và dịch vụ. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 39 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Thời gian khấu hao của tài sản như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04
Phần mềm quản lý	03

**4.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không quá 12 tháng. Chi phí bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời hạn hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

**4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12. GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn**

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và đúng năm tài chính.

**4.13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.14. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: cung cấp nước sạch và cung cấp các dịch vụ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.14. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

**4.15. BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	40.469.545	19.595.873
Tiền gửi ngân hàng	67.488.968.419	56.986.246.555
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	93.216.528.782
<b>Cộng</b>	<b>92.529.437.964</b>	<b>150.222.371.210</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 2%/năm đến 3,2%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Đường Khổng Tử, Phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>3.573.312.106</b>	<b>3.573.312.106</b>
<i>Ngắn hạn</i>	<b>1.450.000.000</b>	<b>1.450.000.000</b>	<b>3.573.312.106</b>	<b>3.573.312.106</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.450.000.000	1.450.000.000	3.573.312.106	3.573.312.106
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	450.000.000	450.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	3.573.312.106	3.573.312.106
<i>Dài hạn</i>	-	-	-	-

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 4,0%/năm đến 5,9%/năm.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>16.580.043.485</b>	<b>(5.741.091.902)</b>	<b>12.894.763.951</b>	<b>(4.698.592.970)</b>
- Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	15.918.544.568	(5.126.874.434)	12.120.457.404	(4.061.565.261)
- Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	661.498.917	(614.217.468)	774.306.547	(637.027.709)
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu của khách hàng là bên liên quan</b>	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8 Đường Không Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>6.956.488.135</b>	-	<b>4.097.236.065</b>	-
- Công ty TNHH Công trình Cấp thoát nước và Hạ tầng Đô thị MAT	2.182.210.168	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Việt Long	2.097.721.185	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Wacom	433.360.160	-	433.360.160	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hoàng Việt Nhân	405.407.777	-	1.671.627.106	-
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Đức Lộc	-	-	464.580.937	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Du lịch Hồng Đăng	-	-	896.515.236	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.837.788.845	-	631.152.626	-
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Trả trước cho người bán là bên liên quan</b>	-	-	<b>14.198.123</b>	-
- Công ty Cổ phần TVXD Cấp nước	-	-	14.198.123	-

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.086.660.954</b>	-	<b>850.857.663</b>	-
- Tạm ứng	150.000.000	-	181.500.000	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	45.741.407	-	217.709.587	-
- Ký quỹ, ký cược	868.000.000	-	450.000.000	-
- Phải thu khác	22.919.547	-	1.648.076	-
<b>Dài hạn</b>	<b>175.000.000</b>	-	<b>533.000.000</b>	-
- Ký quỹ, ký cược	175.000.000	-	533.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.261.660.954</b>	-	<b>1.383.857.663</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Đường Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. NỢ XẤU**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Khoản phải thu khách hàng ngắn hạn quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	8.163.679.708	(5.741.091.902)	2.422.587.806	7.363.977.204	(4.698.592.970)	2.665.384.234
- Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	7.502.180.791	(5.126.874.434)	2.375.306.357	6.726.949.495	(4.061.565.261)	2.665.384.234
- Các khách hàng khác	661.498.917	(614.217.468)	47.281.449	637.027.709	(637.027.709)	-
<b>Cộng</b>	<b>8.163.679.708</b>	<b>(5.741.091.902)</b>	<b>2.422.587.806</b>	<b>7.363.977.204</b>	<b>(4.698.592.970)</b>	<b>2.665.384.234</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.327.445.475	(245.064.287)	14.202.754.129	(67.590.911)
Công cụ dụng cụ	7.700.000	-	7.700.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	209.549.927	-	209.549.927	-
Chi phí dở dang nước sạch	35.278.572.871	-	43.873.052.355	-
<b>Cộng</b>	<b>57.823.268.273</b>	<b>(245.064.287)</b>	<b>58.293.056.411</b>	<b>(67.590.911)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8 Đường Không Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.684.648.981</b>	<b>6.626.589.052</b>
- Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	6.378.882.800	6.349.989.052
- Chi phí liên quan đến phần mềm	2.729.166.181	-
- Chi phí trả trước khác	576.600.000	276.600.000
<b>Dài hạn</b>	<b>7.568.351.140</b>	<b>2.420.322.552</b>
- Công cụ dụng cụ	-	335.228.352
- Chi phí liên quan đến phần mềm	668.803.800	2.085.094.200
- Chi phí sửa chữa	6.042.909.305	-
- Chi phí trả trước khác	856.638.035	-
<b>Cộng</b>	<b>17.253.000.121</b>	<b>9.046.911.604</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8 Đường Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2023	5.023.763.905	45.965.841.964	777.541.241.411	17.104.269.335	831.200.000	846.466.316.615
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.319.429.693	3.627.316.970	63.448.771.436	8.595.972.993	-	76.991.491.092
- Mua trong năm	-	4.371.448.624	6.168.537.829	12.577.453.732	77.800.000	23.195.240.185
- Tăng khác	-	-	91.252.398	-	-	91.252.398
- Giảm khác	-	(851.858.230)	-	(428.116.000)	-	(1.279.974.230)
Tại 31/12/2023	6.343.193.598	53.112.749.328	847.249.803.074	37.849.580.060	909.000.000	945.464.326.060
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại 01/01/2023	(2.807.675.257)	(35.317.981.631)	(585.537.952.898)	(7.999.590.078)	(289.410.073)	(631.952.609.937)
- Khấu hao trong năm	(600.461.922)	(5.257.166.082)	(43.078.595.410)	(5.884.571.224)	(188.315.743)	(55.009.110.381)
- Giảm khác	-	851.858.230	-	428.116.000	-	1.279.974.230
Tại 31/12/2023	(3.408.137.179)	(39.723.289.483)	(628.616.548.308)	(13.456.045.302)	(477.725.816)	(685.681.746.088)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2023	2.216.088.648	10.647.860.333	192.003.288.513	9.104.679.257	541.789.927	214.513.706.678
Tại 31/12/2023	2.935.056.419	13.389.459.845	218.633.254.766	24.393.534.758	431.274.184	259.782.579.972

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 427.895.386.917 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 411.007.719.369 đồng).

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 38.679.372.425 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 53.202.563.969 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Tại 01/01/2023</b>	<b>9.273.160.168</b>	<b>9.273.160.168</b>
- Mua trong năm	6.580.490.000	6.580.490.000
<b>Tại 31/12/2023</b>	<b>15.853.650.168</b>	<b>15.853.650.168</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
<b>Tại 01/01/2023</b>	<b>(8.135.903.693)</b>	<b>(8.135.903.693)</b>
- Khấu hao trong năm	(1.494.172.453)	(1.494.172.453)
<b>Tại 31/12/2023</b>	<b>(9.630.076.146)</b>	<b>(9.630.076.146)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại 01/01/2023</b>	<b>1.137.256.475</b>	<b>1.137.256.475</b>
<b>Tại 31/12/2023</b>	<b>6.223.574.022</b>	<b>6.223.574.022</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.347.570.168 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 7.203.234.441 đồng).

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
<b>Mua sắm</b>	<b>800.000</b>	<b>800.000</b>
- Mua sắm phần mềm	800.000	800.000
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>7.159.965.678</b>	<b>8.234.926.159</b>
- Cải tạo nâng cấp đường ống	3.006.225.845	1.828.336.765
- Di dời đường ống cấp nước	1.191.651.860	2.843.717.927
- Lắp đặt đồng hồ tổng, van giảm áp	2.519.641.916	155.532.200
- Sửa chữa, đầu tư thay mới ống mục	233.014.868	2.998.111.810
- Các công trình khác	209.431.189	409.227.457
<b>Cộng</b>	<b>7.160.765.678</b>	<b>8.235.726.159</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Đường Không Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023 (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>112.396.314.151</b>	<b>112.396.314.151</b>	<b>109.623.821.136</b>	<b>109.623.821.136</b>
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV (*)	90.672.917.743	90.672.917.743	85.399.592.892	85.399.592.892
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	21.723.396.408	21.723.396.408	24.224.228.244	24.224.228.244
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>91.045.527.496</b>	<b>91.045.527.496</b>	<b>86.255.454.221</b>	<b>86.255.454.221</b>
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	90.672.917.743	90.672.917.743	85.399.592.892	85.399.592.892
- Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	233.416.726	233.416.726	855.861.329	855.861.329
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	129.738.118	129.738.118	-	-
- Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	9.454.909	9.454.909	-	-

(\*) Công ty điều chỉnh hồi tố ghi tăng khoản phải trả bổ sung cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV liên quan đến chi phí mua si nước sạch từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi bắt đầu bán si nước sạch qua đồng hồ tổng với giá trị là 8.735.072.328 đồng (Xem thêm thông tin chi tiết tại mục 39 của Thuyết minh Báo cáo tài chính).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8 Đường Không Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
<b>Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>3.701.834.600</b>	<b>3.632.867.153</b>
- Khách hàng trả tiền nước chưa giải trách hóa đơn	2.548.882.200	2.558.066.620
- Khách hàng ứng tiền lắp đặt, kiểm định đồng hồ nước	833.941.499	755.789.632
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	319.010.901	319.010.901
<b>Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>33.325.545.399</b>	<b>275.595.485.126</b>	<b>278.367.377.022</b>	<b>30.553.653.503</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	4.063.182	3.150.951.640	3.155.014.822	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.107.885.393	14.373.619.406	22.832.333.509	4.649.171.290
- Thuế thu nhập cá nhân	1.620.683.289	7.609.609.277	8.530.224.012	700.068.554
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	636.117.965	636.117.965	-
- Thuế giá trị gia tăng giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (thu hộ)	1.151.150.226	20.543.992.832	20.175.074.895	1.520.068.163
- Phí bảo vệ môi trường, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	16.751.986.780	227.830.085.886	220.897.727.170	23.684.345.496
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	689.776.529	1.451.108.120	2.140.884.649	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Đường Không Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2023		Trong năm		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ (VND)	VND	VND	VND	trả nợ (VND)
<b>Vay, nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>12.881.569.000</b>	<b>12.881.569.000</b>	<b>12.864.724.000</b>	<b>12.864.724.000</b>	<b>12.881.569.000</b>	<b>12.881.569.000</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>12.881.569.000</b>	<b>12.881.569.000</b>	<b>12.864.724.000</b>	<b>12.864.724.000</b>	<b>12.881.569.000</b>	<b>12.881.569.000</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (1)	8.238.049.000	8.238.049.000	8.221.204.000	8.221.204.000	8.238.049.000	8.238.049.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (2)	1.623.520.000	1.623.520.000	1.623.520.000	1.623.520.000	1.623.520.000	1.623.520.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình Dương (3)	3.020.000.000	3.020.000.000	3.020.000.000	3.020.000.000	3.020.000.000	3.020.000.000
<b>Vay, nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>17.499.294.439</b>	<b>17.499.294.439</b>	<b>-</b>	<b>12.864.724.000</b>	<b>30.364.018.439</b>	<b>30.364.018.439</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (1)	8.282.991.571	8.282.991.571	-	8.221.204.000	16.504.195.571	16.504.195.571
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (2)	3.247.190.602	3.247.190.602	-	1.623.520.000	4.870.710.602	4.870.710.602
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình Dương (3)	5.969.112.266	5.969.112.266	-	3.020.000.000	8.989.112.266	8.989.112.266
<b>Cộng</b>	<b>30.380.863.439</b>	<b>30.380.863.439</b>	<b>12.864.724.000</b>	<b>25.729.448.000</b>	<b>43.245.587.439</b>	<b>43.245.587.439</b>

**(1) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn**

- **Hợp đồng tín dụng**
  - Hạn mức tín dụng
  - Mục đích vay
  - Thời hạn vay của hợp đồng
  - Lãi suất cho vay
- : Số 6220-LAV-201501035/HĐTD ngày 16/11/2015
  - : 85.000.000.000 đồng;
  - : Phát triển mạng lưới cấp nước địa bàn Quận 2, Quận 9 và Quận Thủ Đức theo QĐ số 489/QĐ-TCT-KHĐT ngày 27/04/2015 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV;
  - : 120 tháng;
  - : Áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/lần;

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Các hình thức bảo đảm tiền vay
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023
- Nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới

: Thẻ chấp tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng số 6220-LAV-201501035/HTTL ngày 16/11/2015, Hợp đồng thế chấp Quyền thu tiền số 6220-LAV-201501035/QTT ngày 16/11/2015 và các Hợp đồng bảo đảm tiền vay khác được dẫn chiếu tới Hợp đồng tín dụng này;  
: 16.521.040.571 đồng;  
: 8.238.049.000 đồng.

**(2) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức**

- **Hợp đồng tín dụng**

- Hạn mức tín dụng  
- Mục đích vay  
- Thời hạn vay của hợp đồng  
- Lãi suất cho vay  
- Các hình thức bảo đảm tiền vay  
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023  
- Nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới

: **Số 0038/042/16/246 ngày 11/11/2016**  
: 27.712.000.000 đồng;  
: Phát triển, cải tạo, hoàn thiện mạng lưới cấp nước và đầu tư thay mới ống mục do Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức làm chủ đầu tư;  
: 120 tháng;  
: Áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 3 tháng/lần;  
: Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo;  
: 4.870.710.602 đồng;  
: 1.623.520.000 đồng.

**(3) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình Dương**

- **Hợp đồng tín dụng**

- Hạn mức tín dụng  
- Mục đích vay  
- Thời hạn vay của hợp đồng  
- Lãi suất cho vay  
- Các hình thức bảo đảm tiền vay  
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023  
- Nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới

: **Số 0035/TDS/16CD ngày 14/11/2016**  
: 46.646.000.000 VND;  
: Phát triển, cải tạo, hoàn thiện mạng lưới cấp nước và đầu tư thay mới ống mục do Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức làm chủ đầu tư;  
: 120 tháng;  
: Áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 3 tháng/lần;  
: Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo;  
: 8.989.112.266 đồng;  
: 3.020.000.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.285.404.704</b>	<b>1.828.472.333</b>
- Chi phí lãi vay	53.799.514	90.583.496
- Chi phí xây dựng cơ bản	651.615.111	808.021.057
- Chi phí tổ chức hội nghị, hội thao	847.889.720	527.956.633
- Chi phí phải trả khác	732.100.359	401.911.147
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.285.404.704</b>	<b>1.828.472.333</b>

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.633.045.536</b>	<b>13.270.028.298</b>
- Kinh phí công đoàn	152.712.744	52.308.204
- Bảo hiểm xã hội	-	174.133
- Bảo hiểm y tế	-	22.825
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	12.140
- Nhận ký quỹ, ký cược	7.100.387.032	7.897.884.406
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông	118.726.769	129.048.670
- Phải trả tiền nước được miễn giảm do dịch Covid-19	2.161.648.709	2.164.215.164
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV (*)	2.959.783.812	2.959.783.812
- BQLDA ĐT XD Các công trình giao thông (Tiền đền bù di dời đường ống cấp nước được hưởng nhưng chưa xuất hóa đơn do chưa quyết toán)	5.930.436.442	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	209.350.028	66.578.944
<b>Dài hạn</b>	-	<b>3.940.239.273</b>
- Tiền đền bù di dời đường ống cấp nước được hưởng nhưng chưa xuất hóa đơn do chưa quyết toán	-	3.940.239.273
+ BQLDA ĐT XD Khu vực Thành phố Thủ Đức	-	1.797.682.653
+ BQL Đầu tư Xây dựng công trình Quận 9	-	2.142.556.620
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.633.045.536</b>	<b>17.210.267.571</b>

(\*) Công ty điều chỉnh hồi tố ghi tăng khoản phải trả cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV liên quan đến số tiền chênh lệch giữa doanh thu và giá vốn cung cấp nước sạch đến trước thời điểm chính thức cổ phần hóa với giá trị là 2.959.783.812 đồng (Xem thêm thông tin chi tiết tại mục 39 của Thuyết minh Báo cáo tài chính).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	7.023.227.854	6.055.370.626
- Chi phí trả trước là chi phí công cụ dụng cụ, khác	7.023.227.854	6.055.370.626
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.404.645.571	1.211.074.125
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1.404.645.571</b>	<b>1.211.074.125</b>

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	51,00%	43.350.000.000	51,00%	43.350.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	44,17%	37.547.200.000	44,17%	37.547.200.000
Các cổ đông khác	4,83%	4.102.800.000	4,83%	4.102.800.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>85.000.000.000</b>

**23.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	85.000.000.000	85.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	28.900.000.000	10.200.000.000

**23.3 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8 Đường Không Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****23.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
<b>Tại 01/01/2022</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>36.373.209.808</b>	<b>88.573.332.630</b>	<b>209.946.542.438</b>		
- Lợi nhuận trong năm	-	-	47.519.739.206	47.519.739.206		
- Phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	(22.172.450.000)	(22.172.450.000)		
+ Trích Quỹ khen thưởng - phúc lợi xã hội	-	-	(11.583.650.000)	(11.583.650.000)		
+ Trích Quỹ khen thưởng người quản lý	-	-	(388.800.000)	(388.800.000)		
+ Chia cổ tức	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)		
<b>Tại 31/12/2022</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>36.373.209.808</b>	<b>113.920.621.836</b>	<b>235.293.831.644</b>		
Điều chỉnh giảm lợi nhuận liên quan chi phí mua si nước sạch hoàn trả bổ sung cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV (*)	-	-	(11.694.856.140)	(11.694.856.140)		

Điều chỉnh giảm lợi nhuận liên quan chi phí mua si nước sạch hoàn trả bổ sung cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV (\*)

**Tại 01/01/2023 (trình bày lại)**

- Lợi nhuận trong năm	-	-	53.906.315.851	53.906.315.851		
- Phân phối lợi nhuận năm 2022 (**)	-	-	(44.279.274.400)	(44.279.274.400)		
+ Trích Quỹ khen thưởng - phúc lợi xã hội	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)		
+ Trích Quỹ khen thưởng người quản lý	-	-	(379.274.400)	(379.274.400)		
+ Chia cổ tức	-	-	(28.900.000.000)	(28.900.000.000)		
<b>Tại 31/12/2023</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>36.373.209.808</b>	<b>111.852.807.147</b>	<b>233.226.016.955</b>		

(\*) Công ty điều chỉnh hồi tố ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước khoản phải trả bổ sung cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV liên quan đến số tiền chênh lệch giữa doanh thu và giá vốn cung cấp nước sạch đến trước thời điểm chính thức cổ phần hóa với giá trị là 2.959.783.812 đồng và chi phí mua si nước sạch từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi bắt đầu bán si nước sạch qua đồng hồ tổng với giá trị là 8.735.072.328 đồng, tổng cộng là 11.694.856.140 đồng (Xem thêm thông tin chi tiết tại mục 39 của Thuyết minh Báo cáo tài chính).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**23.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

(\*\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 18/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2023, trong đó chia cổ tức từ lợi nhuận kinh doanh năm 2022 với tỷ lệ là 14% vốn điều lệ tương ứng 11.900.000.000 đồng, chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối các năm trước với tỷ lệ là 20% vốn điều lệ tương ứng 17.000.000.000 đồng, trích quỹ khen thưởng - phúc lợi xã hội với số tiền là 15.000.000.000 đồng và trích quỹ khen thưởng người quản lý với số tiền là 379.274.400 đồng.

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Nợ khó đòi đã xử lý:

	<u>Tại 31/12/2023</u>	<u>Tại 01/01/2023</u>
- Các khách hàng mua nước sạch	3.483.503.818	3.450.354.578
- Các khách hàng gắn đồng hồ nước	47.395.022	47.395.022
- Truy thu tiền nước	18.705.336	18.705.336
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.549.604.176</u></b>	<b><u>3.516.454.936</u></b>

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>	<b>1.282.670.921.859</b>	<b>1.184.091.146.870</b>
- Doanh thu cung cấp nước sạch	1.277.220.855.971	1.179.628.136.472
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.450.065.888	4.463.010.398
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	92.324.221	66.327.955
Giảm giá hàng bán	18.519.355	13.347.112
<b>Cộng</b>	<b><u>110.843.576</u></b>	<b><u>79.675.067</u></b>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn cung cấp nước sạch	822.586.620.063	795.975.097.879
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	2.644.020.833	2.066.631.157
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	177.473.376	-
<b>Cộng</b>	<b><u>825.408.114.272</u></b>	<b><u>798.041.729.036</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	2.104.543.187	3.606.099.475
<b>Cộng</b>	<b>2.104.543.187</b>	<b>3.606.099.475</b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	3.112.774.657	3.585.242.986
<b>Cộng</b>	<b>3.112.774.657</b>	<b>3.585.242.986</b>

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>252.221.054.320</b>	<b>217.954.878.923</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	102.274.690.084	94.356.289.300
- Chi phí vật liệu, bao bì	9.733.427.248	5.914.255.340
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.059.975.201	1.095.219.677
- Chi phí khấu hao TSCĐ	48.030.660.836	46.115.265.746
- Chi phí gắn đồng hồ nước miễn phí	8.661.681.232	9.341.828.571
- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, thay hạ cỡ, thay đồng hồ nước hư	57.947.318.440	37.030.323.778
- Chi phí thuê hoạt động hệ thống cấp nước	10.202.499.522	10.604.358.460
- Chi phí phục vụ công tác chống thất thoát nước	7.043.379.213	5.682.079.886
- Chi phí khác	5.267.422.544	7.815.258.165
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>142.390.819.321</b>	<b>113.054.588.110</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	49.676.225.358	35.253.783.480
- Chi phí đồ dùng văn phòng	10.095.216.974	7.860.509.416
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.458.519.530	3.930.735.773
- Thuế, phí và lệ phí	2.372.571.725	2.201.831.375
- Chi phí dự phòng	1.042.498.932	1.018.043.399
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.738.215.755	15.945.804.496
- Chi phí bằng tiền khác	51.007.571.047	46.843.880.171
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**31. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập từ xử lý tài chính dự án	899.273.455	10.790.701.664
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	476.552	367.310.080
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý vật tư, CCDC	2.473.896.675	1.885.948.160
Phí Bảo vệ môi trường, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được giữ lại	2.294.635.039	1.579.135.346
Thu nhập từ bồi thường di dời hệ thống cấp nước	4.873.119.273	932.880.000
Thu nhập từ kiểm định đồng hồ nước	13.309.767	36.608.236
Thu nhập từ thu nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ	33.149.240	115.516.695
Thu nhập khác	9.232.696	67.551.362
<b>Cộng</b>	<b>10.597.092.697</b>	<b>15.775.651.543</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí Bảo vệ môi trường, giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được giữ lại	2.294.635.039	1.579.135.346
Các khoản bị phạt	1.448.108.120	552.210.128
Chi phí thanh lý vật tư	149.128.051	18.574.074
Chi phí khấu hao tăng thêm của 11 dự án	88.502.468	1.076.360.292
Chi phí kiểm định đồng hồ nước	17.951.989	189.345.309
Hoàn trả ngân sách Nhà nước các khoản đền bù di dời đường ống	-	5.646.849.438
Chi phí khác	44.262.119	648.025.756
<b>Cộng</b>	<b>4.042.587.786</b>	<b>9.710.500.343</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>68.086.363.811</b>	<b>61.046.283.423</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.781.733.218</b>	<b>8.473.266.870</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>8.005.427.929</i>	<i>8.473.266.870</i>
- Chi phí bị phạt thuế, vi phạm hành chính	1.448.108.120	552.210.128
- Chi phí khấu hao không được trừ	20.200.527	727.184.228
- Chi phí HĐQT không tham gia trực tiếp điều hành	288.000.000	288.000.000
- Chi phí CCDC, sửa chữa,... không được trừ	5.191.551.939	6.055.370.626
- Chi phí không được trừ khác	1.057.567.343	850.501.888
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(4.223.694.711)</i>	<i>-</i>
- Hoàn nhập chi phí CCDC năm trước đã loại trừ	(4.120.550.775)	-
- Khoản điều chỉnh giảm khác	(103.143.936)	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>71.868.097.029</b>	<b>69.519.550.293</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>14.373.619.406</b>	<b>13.903.910.059</b>
<b>Chi phí thuế TNDN các năm trước bổ sung</b>	<b>-</b>	<b>833.708.283</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>14.373.619.406</b>	<b>14.737.618.342</b>

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.038.310.388)	(1.211.074.125)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	824.110.155	-
Điều chỉnh thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ năm 2022	20.628.787	-
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(193.571.446)</b>	<b>(1.211.074.125)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2023	Năm 2022 (Trình bày lại)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>53.906.315.851</b>	<b>47.519.739.206</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(15.379.274.400)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.500.000	8.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>6.342</b>	<b>3.781</b>

(\*) Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 18/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2023. Do đó, Công ty đã điều chỉnh số liệu so sánh cho năm 2022 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra trong năm 2023, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có thông tin về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2023. Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi này sẽ được thông qua bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

**36. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8 Đường Không Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**37. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

<b>Năm 2023</b>	<b>Cung cấp nước sạch</b>	<b>Dịch vụ khác</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.277.119.014.870	5.441.063.413	1.282.560.078.283
Giá vốn bộ phận	(822.586.620.063)	(2.821.494.209)	(825.408.114.272)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>454.532.394.807</b>	<b>2.619.569.204</b>	<b>457.151.964.011</b>
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp			(394.611.873.641)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>62.540.090.370</b>		<b>62.540.090.370</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			2.104.543.187
Chi phí tài chính			(3.112.774.657)
Thu nhập khác			10.597.092.697
Chi phí khác			(4.042.587.786)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>68.086.363.811</b>		<b>68.086.363.811</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(14.373.619.406)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			193.571.446
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>53.906.315.851</b>
<b>Tổng Tài sản</b>			<b>466.375.340.422</b>
<b>Tổng Nợ phải trả</b>			<b>233.149.323.467</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8 Đường Không Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp):**

Năm 2022	Cung cấp nước sạch	Dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.179.548.461.405	4.463.010.398	1.184.011.471.803
Giá vốn bộ phận	(795.975.097.879)	(2.066.631.157)	(798.041.729.036)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>383.573.363.526</b>	<b>2.396.379.241</b>	<b>385.969.742.767</b>
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp			(331.009.467.033)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>54.960.275.734</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			3.606.099.475
Chi phí tài chính			(3.585.242.986)
Thu nhập khác			15.775.651.543
Chi phí khác			(9.710.500.343)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>			<b>61.046.283.423</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(14.737.618.342)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			1.211.074.125
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>47.519.739.206</b>
<b>Tổng Tài sản</b>			<b>461.907.818.943</b>
<b>Tổng Nợ phải trả</b>			<b>238.308.843.439</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**38.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	
- Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty cùng Công ty mẹ	
- Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Công ty cùng Công ty mẹ	
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Công ty cùng Công ty mẹ	
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công chánh	Công ty cùng Công ty mẹ	
- Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đồng	

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>1. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV</b>		
- Mua nước sạch	813.992.140.579	800.169.155.395
- Mua vật tư	1.374.844.000	13.554.079.000
- Thuê tài sản	10.202.499.522	10.604.358.460
- Mua hàng hóa, dịch vụ khác	227.036.364	192.275.802
- Chia cổ tức	14.739.000.000	5.202.000.000
<b>2. Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước</b>		
- Mua hàng hóa, dịch vụ	792.340.000	732.472.000
<b>3. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè</b>		
- Mua hàng hóa, dịch vụ	110.968.186	181.486.348
<b>4. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước</b>		
- Mua hàng hóa, dịch vụ	826.180.324	314.531.348
<b>5. Công ty TNHH Nước sạch REE</b>		
- Chia cổ tức	12.766.048.000	4.505.664.000

Số dư với các bên liên quan

	<u>Tại 31/12/2023</u>	<u>Tại 01/01/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>1. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV</b>		
- Phải trả cho người bán	90.672.917.743	85.399.592.892
- Phải trả khác	2.959.783.812	2.959.783.812
<b>2. Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước</b>		
- Phải trả cho người bán	233.416.726	855.861.329
<b>3. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè</b>		
- Phải trả cho người bán	9.454.909	-
<b>4. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước</b>		
- Trả trước cho người bán	-	14.198.123
- Phải trả cho người bán	129.738.118	-
<b>5. Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông Công chánh</b>		
- Nhận ký cược, ký quỹ	23.847.000	23.847.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**38.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Ông Nguyễn Tổng Đăng Khoa	Chủ tịch HĐQT	695.565.334	667.564.106
- Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	90.533.333	90.533.333
- Ông Lê Trọng Thuần	Thành viên HĐQT	90.533.333	90.533.333
- Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT	90.533.333	84.355.556
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	90.533.333	84.355.556
- Ông Nguyễn Công Minh	Thành viên HĐQT	627.973.772	381.473.128
- Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	51.533.897	321.077.969
	<i>(Đã miễn nhiệm)</i>		
- Ông Phạm Huỳnh Bá Đạt	Phó Giám đốc	480.306.677	106.111.923
- Ông Trần Hưng Thành	Phó Giám đốc	220.455.917	-
- Ông Nguyễn Công Thành	Phó Giám đốc	205.935.881	-
- Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Phó Giám đốc	274.641.797	136.604.029
	<i>(Đã miễn nhiệm)</i>		
- Ông Lâm Tứ Duy	Phó Giám đốc	64.748.611	378.588.553
	<i>(Đã miễn nhiệm)</i>		
- Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Phó Giám đốc	89.829.505	427.649.208
	<i>(Đã miễn nhiệm)</i>		
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng BKS	566.543.908	545.954.068
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên BKS	57.266.667	57.266.666
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên BKS	57.266.667	54.177.778
- Bà Trương Quế Hương	Thành viên BKS	54.177.778	32.000.000
- Ông Hoàng Ngọc Lâm	Thành viên BKS	3.088.889	25.266.667
	<i>(Đã miễn nhiệm)</i>		
- Ông Cao Hữu Lộc	Kế toán trưởng	538.589.266	519.017.179
<b>Cộng</b>		<b>4.350.057.898</b>	<b>4.002.529.052</b>

**38.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê tài sản là mạng lưới cấp nước của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đầu tư, nằm trong khu vực Công ty khai thác và sử dụng theo hợp đồng thuê tài sản số 3258/HĐ-TCT-KTTC ngày 20/04/2023 với tổng giá trị tài sản thuê là 87.553.050.695 đồng, Phụ lục hợp đồng cho thuê tài sản hoạt động số 10003/PLHĐ-TCT-KTTC ngày 29/12/2023 về việc giảm giá trị cho thuê tài sản năm 2023 là 100.599.489 đồng, thời hạn thuê là 01 năm.

Ngoài ra, Công ty còn thuê một số mặt bằng với mục đích làm văn phòng Công ty và mục đích làm kho bãi Công ty, cụ thể:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**38.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**

- Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường và trả tiền thuê hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 9624/HD-TNMT-ĐKKTD ngày 31/12/2009 tại số 08, Đường Không Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng Công ty, diện tích khu đất là 2.331,6 m<sup>2</sup>.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất với Bà Lương Thị Tuyết Sương và trả tiền thuê hàng quý theo Hợp đồng thuê đất số 267/HĐTMB-CNTĐ-TS ngày 30/06/2020 (số công chứng 12615, quyền số 127/TP/CC-SCC/HĐGD) tại số 29, Đường Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm kho bãi Công ty, diện tích khu đất là 308 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê: 3 năm, kể từ ngày 30/06/2020.

- Công ty ký hợp đồng thuê nhà ở và quyền sử dụng đất với Ông Nguyễn Quốc Thái, tiền thuê trả hàng quý theo Hợp đồng thuê nhà ở ngày 26/11/2021 (số công chứng 5288, quyền số 11/2021 TP/CC-SCC/HĐGD) tại C22/10, Đường 672, Khu phố 1, Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức (Quận 9 cũ), Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng Công ty, diện tích khu đất là 443,4 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê: 3 năm, kể từ ngày 01/12/2021.

- Công ty ký hợp đồng thuê nhà với ông Tạ Quốc Toàn và trả tiền thuê hàng quý theo Hợp đồng thuê nhà ngày 17/11/2021 (số công chứng 7075, quyền số 1/2021/TP/CC-SCC/HĐGD) tại số 191 đường Nguyễn Hoàng, Khu phố 5, Phường An Phú, Tp. Thủ Đức (Quận 2 cũ), để sử dụng với mục đích làm văn phòng Công ty, diện tích khu đất là 139,6 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê: 3 năm, kể từ ngày 01/12/2021.

- Công ty ký hợp đồng thuê nhà với ông Nguyễn Thiện Minh và trả tiền thuê hàng quý theo Hợp đồng thuê nhà ngày 20/06/2022 (số công chứng 9782, quyền số 98/2022/TP/CC-SCC/HĐGD) tại số 57 đường Cây Keo, Khu phố 1, Phường Tam Phú, Tp. Thủ Đức (Quận Thủ Đức cũ), để sử dụng với mục đích làm văn phòng Công ty, diện tích đất là 174,95 m<sup>2</sup> và diện tích sân 110 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê: 3 năm, kể từ ngày 01/07/2022.

- Công ty ký hợp đồng thuê văn phòng, nhà với Công ty TNHH Giáo dục WORLD LINK, trả tiền thuê hàng quý theo Hợp đồng thuê nhà số 18/HĐTVP/WL-THU DUC WASUCO.J.S.C) ngày 01/06/2023 tại địa chỉ 409A – 409B đường Song Hành Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc của Công ty, có tổng diện tích là 2.173,7 m<sup>2</sup> (Trong đó: Tòa nhà văn phòng 880 m<sup>2</sup> + diện tích đất: 1.733,7 m<sup>2</sup>). Thời hạn thuê: 5 năm, kể từ ngày 01/06/2023.

**38.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**38.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**38.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**39. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo Kết quả kiểm toán tại Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV số 776/TB-KTNN ngày 19/12/2022, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty đã phối hợp rà soát, xác định khối lượng nước và giá trị Công ty phải hoàn trả thêm cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, chi tiết như sau:

- Vào thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 31/01/2007): Theo Biên bản về việc rà soát doanh thu tiền nước, giá vốn nước sạch tính đến thời điểm cổ phần hóa ngày 24/05/2023, số tiền Công ty hoàn trả thêm liên quan đến chênh lệch giữa doanh thu và giá vốn nước sạch của lượng nước khách hàng tiêu thụ tính đến ngày 31/01/2007 được ghi nhận vào kỳ 02, kỳ 03 năm 2007 với giá trị là 2.959.783.812 đồng;

- Giai đoạn từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi bắt đầu bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng (ngày 21/07/2011): Theo Biên bản cuộc họp ngày 01/08/2023 và hóa đơn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV đã xuất bổ sung ngày 29/12/2023, số tiền Công ty hoàn trả thêm liên quan đến chi phí mua sỉ nước sạch từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi bắt đầu bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng (ngày 21/07/2011) với giá trị là 8.735.072.328 đồng.

Căn cứ theo Nghị quyết số 39/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 22/12/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã thông qua khoản nợ phải trả bổ sung về chi phí mua sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV nêu trên.

Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến số dư đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Chi tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số kiểm toán	Tại 01/01/2023		
			Số điều chỉnh hồi tố		Số sau điều chỉnh
			Tăng(+)/ Giảm(-) Năm 2007	Tăng(+)/ Giảm(-) Năm 2011	
		VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	311	100.888.748.808	-	8.735.072.328	109.623.821.136
Phải trả ngắn hạn khác	319	10.310.244.486	2.959.783.812	-	13.270.028.298
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	113.920.621.836	(2.959.783.812)	(8.735.072.328)	102.225.765.696
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	66.400.882.630	(2.959.783.812)	(8.735.072.328)	54.706.026.490



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**39. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP)**

Ngoài ra, Công ty điều chỉnh Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 18/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2023. Do đó, Công ty đã điều chỉnh số liệu so sánh cho năm 2022 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu trên	Mã	Năm 2022	Năm 2022
Báo cáo kết quả		(Theo BCTC đã được kiểm toán)	(Sau điều chỉnh)
hoạt động kinh doanh		VND/ cổ phiếu	VND/ cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.591	3.781
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.591	3.781

**40. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán, sau đó một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố như đã trình bày tại thuyết minh số 39 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



THẠCH DƯƠNG KIM AN

CAO HỮU LỘC

NGUYỄN CÔNG MINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Mã CK: TĐW

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Số 7 2 3 CV-CNTĐ**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận năm 2023 sau  
kiểm toán so với cùng kỳ năm trước.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Thực hiện quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính, Công ty CP Cấp Nước Thủ Đức xin giải trình về Báo cáo tài chính sau kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023 phát hành ngày 25/03/2024 của Công ty có lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau kiểm toán tăng 13,44% so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
	(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
1.	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.295.261.714.167</b>	<b>1.203.393.222.821</b>	<b>91.868.491.346</b>	<b>107,63%</b>
a.	Doanh thu nước sạch	1.277.119.014.870	1.179.548.461.405	97.570.553.465	108,27%
b.	Doanh thu gắn ĐHN và hoạt động khác	5.441.063.413	4.463.010.398	978.053.015	121,91%
	- Doanh thu gắn ĐHN, lắp đặt TCH	5.149.322.832	4.191.070.450	958.252.382	122,86%
	- Doanh thu đóng mở nước	227.338.524	221.945.532	5.392.992	102,43%
	- Doanh thu dịch vụ khác	64.402.057	49.994.416	14.407.641	128,82%
c.	Doanh thu hoạt động tài chính	2.104.543.187	3.606.099.475	(1.501.556.288)	58,36%
d.	Thu nhập khác	10.597.092.697	15.775.651.543	(5.178.558.846)	67,17%
2.	<b>Tổng chi phí</b>	<b>1.227.175.350.356</b>	<b>1.142.346.939.398</b>	<b>84.828.410.958</b>	<b>107,43%</b>
a.	Giá vốn hàng bán nước sạch:	822.586.620.063	795.975.097.879	26.611.522.184	103,34%
b.	Giá vốn hàng bán ĐHN:	2.821.494.209	2.066.631.157	754.863.052	136,53%
c.	Chi phí hoạt động tài chính	3.112.774.657	3.585.242.986	(472.468.329)	86,82%
d.	Chi phí bán hàng	252.221.054.320	217.954.878.923	34.266.175.397	115,72%
e.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	142.390.819.321	113.054.588.110	29.336.231.211	125,95%
f.	Chi phí khác	4.042.587.786	9.710.500.343	(5.667.912.557)	41,63%
3.	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>68.086.363.811</b>	<b>61.046.283.423</b>	<b>7.040.080.388</b>	<b>111,53%</b>
	- Lợi nhuận nước sạch	59.920.521.166	52.563.896.493	7.356.624.673	114,00%
	- Lợi nhuận gắn ĐHN + khác	2.619.569.204	2.396.379.241	223.189.963	109,31%



STT	Chỉ tiêu (A)	Năm 2023 (1)	Năm 2022 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
	- Lợi nhuận tài chính	(1.008.231.470)	20.856.489	(1.029.087.959)	4834,14%
	- Lợi nhuận khác	6.554.504.911	6.065.151.200	489.353.711	108,07%
<b>4.</b>	<b>Thuế TNDN</b>				
a.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.373.619.406	14.737.618.342	(363.998.936)	97,53%
b.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(193.571.446)	(1.211.074.125)	1.017.502.679	15,98%
<b>5.</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>53.906.315.851</b>	<b>47.519.739.206</b>	<b>6.386.576.645</b>	<b>113,44%</b>

Trong năm 2023, Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức có các chỉ tiêu như sau:

- 1. Tổng doanh thu năm 2023 tăng 91,87 tỷ đồng (+7,63%) so với năm 2022, trong đó:**
  - a. Doanh thu nước sạch năm 2023 tăng 97,57 tỷ đồng (+8,27%) so với năm 2022 do:
    - Sản lượng nước tiêu thụ năm 2023 tăng 7.102.565 m<sup>3</sup> (+6,98%) so với năm 2022, tương đương làm doanh thu tăng tương ứng 82,36 tỷ đồng.
    - Giá bán bình quân năm 2023 tăng 139,74 đồng/ m<sup>3</sup>, tương đương làm doanh thu tăng tương ứng 15,21 tỷ đồng.
  - b. Doanh thu gắn ĐHN và hoạt động khác năm tăng 978 triệu đồng (+21,91%) so với năm 2022 do:
    - Doanh thu gắn ĐHN, lắp đặt TCH năm 2023 tăng 958 triệu đồng (+22,86%) so với năm 2022.
    - Doanh thu đóng mở nước tăng 5,39 triệu đồng (+2,43%) so với năm 2022.
    - Doanh thu dịch vụ khác tăng 14,41 triệu đồng (+28,82%) so với năm 2022.
  - c. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 giảm 1,5 tỷ đồng (-41,64%) so với năm 2022.
  - d. Thu nhập khác năm 2023 giảm 5,18 tỷ đồng (-32,83%) so với năm 2022, chủ yếu phát sinh giảm 9,89 tỷ đồng từ thu nhập từ việc xử lý liên quan đến 12 dự án (Năm 2023: 899,27 triệu của dự án thứ 12, Năm 2022: 10,79 tỷ đồng của 11 dự án).
- 2. Tổng chi phí năm 2023 tăng 84,83 tỷ đồng (+7,43%) so với năm 2022, trong đó:**
  - a. Giá vốn hàng bán nước sạch năm 2023 tăng 26,61 tỷ đồng (+3,34%) so với năm 2022 do:
    - Nhằm đảm bảo thực hiện kiến nghị KTNN, phát sinh chênh lệch giá vốn nước sạch dở dang năm 2023 tăng 8.594.479.484 đồng so với năm 2022, (trong đó tăng giá vốn mua si nước sạch tương ứng với doanh thu vào đầu năm 2023 là 43.873.052.355 đồng và giảm chi phí giá vốn dở dang không tương ứng với doanh thu vào cuối năm 2023 là 35.278.572.871 đồng).
    - Sản lượng mua si nước sạch năm 2023 (bao gồm sản lượng nước sạch dở dang) tăng 1,87 %, làm chi phí mua si nước sạch tăng 15,12 tỷ đồng.
    - Đơn giá mua si nước sạch tăng 1,02% làm chi phí mua si nước sạch tăng 11,49 tỷ đồng.





- b. Giá vốn hàng bán ĐHN năm 2023 tăng 755 triệu đồng (+36,53%) so với năm 2022, do hoạt động cung cấp dịch vụ gắn ĐHN tăng.
- c. Chi phí hoạt động tài chính năm 2023 giảm 472 triệu đồng (-13,18%) so với năm 2022 do số dư nợ gốc vay giảm.
- d. Chi phí bán hàng năm 2023 tăng 34,27 tỷ đồng (+15,72%) so với năm 2022 chủ yếu tăng do:
- Chi phí thay đồng hồ nước tăng 20,92 tỷ đồng (+56,49%) so với năm trước do số lượng thay ĐHN cỡ lớn tăng năm 2023 cao hơn năm 2022.
  - Chi phí lương và các khoản theo lương tăng 7,92 tỷ đồng (+8,39%) trong đó chi phí lương nhân viên tăng 5,86 tỷ đồng, các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn theo lương tăng 2,06 tỷ đồng do công ty đang trích quỹ lương năm 2023 theo mức tăng 5% đối với người lao động và 20% đối với người quản lý so với quỹ lương kế hoạch năm 2023.
  - Chi phí sửa chữa ống mụt tăng 3,82 tỷ đồng (+279,66%) so với năm trước.
  - Chi phí khấu hao tăng 1,92 tỷ đồng (+4,15%) so với năm trước do công ty phát sinh tăng TSCĐ mới.
- e. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 26,33 tỷ đồng (+25,95%) so với năm 2022 chủ yếu tăng do:
- Chi phí khấu hao nhà xưởng, thiết bị quản lý, khác tăng 4,53 tỷ đồng (+115,19%) so với năm trước.
  - Chi phí nhân viên và các khoản theo lương tăng 5,47 tỷ đồng (+25,45%) do công ty đang trích quỹ lương năm 2023 theo mức tăng 5% đối với người lao động và 20% đối với người quản lý so với quỹ lương kế hoạch năm 2023.
  - Chi phí đồ dùng văn phòng tăng 2,15 tỷ đồng (+27,74%) so với năm trước.
  - Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 3,79 tỷ đồng (+23,78%) so với năm trước, bao gồm các chi phí như: sửa chữa TSCĐ, chi phí thuê mặt bằng, chi phí điện thoại đi động, chi phí nhiên liệu, chi phí dịch vụ bảo vệ, ...
- f. Chi phí khác giảm 5,67 tỷ đồng (-58,37%) so với năm 2022.
- 3. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 68.086.363.811 đồng, tăng 7,04 tỷ đồng (+11,53%) so với năm 2022.**
- 4. Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2023 giảm 364 triệu đồng (-2,47%) so với năm 2022, do năm 2022 có phát sinh khoản thuế TNDN phải nộp bổ sung theo kiến nghị kiểm toán nhà nước với giá trị 836 triệu đồng.**
- 5. Từ các nguyên nhân trên, tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 tăng 6,39 tỷ đồng (+13,44%) so với năm 2022.**

Trên đây là các nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến kỳ kinh doanh năm 2023 Công ty có Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 13,44% so với cùng kỳ năm 2022.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thư ký HĐQT;
- Lưu: VT, TCKT, Thảo.



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Công Minh**